

(Kèm theo Phương án số...../UBND- ngày...tháng...năm 2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập							
									Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư																	
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyên lâm cán bộ phụ trách giáo dục căn xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghĩ theo chế độ					
Tổng cộng			1453 trường		2.241	23.198	799.162	1.386	2.143	2.325	1.079	335	63	9	614	225		855 trường		2.241	23.198	799.162	855	1.614	1.597	31	1.040	809		
1	I	Các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc cấp xã																												
		1	Phường 1 Bảo Lộc	MN	Trường Mầm non 1		1	8	240	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mầm non Phường 1 Bảo Lộc	MN		4	22	617	1	2	2		4	2
		2	Phường 1 Bảo Lộc	MN	Trường Mầm non Lộc Phát		1	7	187	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mầm non Phường 1 Bảo Lộc	MN		4	22	617	1	2	2		4	2
		3	Phường 1 Bảo Lộc	MN	Trường Mầm non Thanh Xuân		2	7	190	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Phường 1 Bảo Lộc	MN		4	22	617	1	2	2		4	2
		4	Phường 1 Bảo Lộc	TH	Trường Tiểu học Lộc Thanh 1		1	18	607	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Lộc Thanh	TH		2	32	1.088	1	2	2		1	1
		5	Phường 1 Bảo Lộc	TH	Trường Tiểu học Lộc Thanh 2		1	14	481	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Lộc Thanh	TH		2	32	1.088	1	2	2		1	1
		6	Phường 1 Bảo Lộc	TH	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt		1	13	452	1	0	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng	TH		2	31	1.100	1	2	2		1	2
		7	Phường 1 Bảo Lộc	TH	Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng		1	18	648	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng	TH		2	31	1.100	1	2	2		1	2
		8	Phường 1 Bảo Lộc	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ		1	19	626	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ	TH		1	19	626	1	1	2			
		9	Phường 1 Bảo Lộc	TH	Trường Tiểu học Trưng Vương		1	29	1.020	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Trưng Vương	TH		1	29	1.020	1	2	2			
		10	Phường 1 Bảo Lộc	THCS	Trường Trung học cơ sở Phan Văn Trị		1	33	1.456	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Trung học cơ sở Phan Văn Trị	THCS		1	33	1.456	1	2	2			
		11	Phường 1 Bảo Lộc	THCS	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An		1	24	1.054	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An	THCS		1	24	1.054	1	2	2			
		12	Phường 1 Bảo Lộc	THCS	Trường Trung học cơ sở Hùng Vương		1	36	1.556	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Trung học cơ sở Hùng Vương	THCS		1	36	1.556	1	2	2			
2	II	13	Phường 2 Bảo Lộc	MN	Mầm non Hoa Hồng		2	12	314	0	2	2	1	0	0	0	0	1	Mầm non Hoa Hồng	MN		3	20	575	1	3	3	0	1	0
		14	Phường 2 Bảo Lộc	MN	Mẫu giáo Kim Đồng 1		1	8	261	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Mầm non Hoa Hồng	MN		3	20	575	1	3	3	0	1	0
		15	Phường 2 Bảo Lộc	MN	Mẫu giáo ĐamB'ri		3	11	268	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Mẫu giáo ĐamB'ri	MN		6	23	629	1	3	3	0	2	0
		16	Phường 2 Bảo Lộc	MN	Mẫu giáo Lộc Tân		3	12	361	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Mẫu giáo ĐamB'ri	MN		6	23	629	1	3	3	0	2	0
		17	Phường 2 Bảo Lộc	TH	Tiểu học Nguyễn Trãi		1	30	1.120	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Tiểu học Nguyễn Trãi	TH&THCS		2	55	2.029	1	3	3	0	1	0
		18	Phường 2 Bảo Lộc	TH&THCS	Tiểu học Lê Văn Tám		1	25	909	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Tiểu học Nguyễn Trãi	TH&THCS		2	55	2.029	1	3	3	0	1	0
		19	Phường 2 Bảo Lộc	THCS	Tiểu học ĐamB'ri		1	10	315	1	1	2	0	1	0	0	1	0												
		20	Phường 2 Bảo Lộc	TH	TH&THCS Lê Lợi		2	23	522	1	2	2	1	0	0	0	1	0	TH&THCS Lê Lợi	TH&THCS		5	64	1.902	1	3	3	1	4	0
		21			TH&THCS Phan Chu Trinh		1	23	805	1	2	0	0	0	0	0	0	0												
		22	Phường 2 Bảo Lộc	THCS	THCS Trần Quốc Toản		1	8	260	1	0	2	1	0	0	0	1	0												
		23	Phường 2 Bảo Lộc	TH&THCS	Tiểu học Nguyễn Khuyến		1	28	981	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Tiểu học Nguyễn Khuyến	TH		2	37	1.202	1	3	2	0	0	0
		24	Phường 2 Bảo Lộc	TH	TH&THCS Lý Tự Trọng (cấp Tiểu học)		1	9	221	0	1	2	0	1	0	0	1	0												
		25	Phường 2 Bảo Lộc	TH	THCS Quang Trung		1	38	1.734	1	2	2	1	0	0	0	1	0	THCS Quang Trung	TH&THCS		2	45	1.945	1	3	2	0	1	

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập						Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có							Trường sau sáp nhập								Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập			
				Tên trường	Số điểm trường <i>(bao gồm điểm chính và điểm lẻ)</i>	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư			Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường <i>(bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)</i>	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ						
											Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng																	
	26	Phường 2 Bảo Lộc	TH&THCS	TH&THCS Lý Tự Trọng (cấp THCS)	1	7	211	1	1	1	0	0	0	0	0	1	THCS Quảng Trung	TH&THCS	2	49	1.345	1	3	2				1	0				
3	27	Phường 3 Bảo Lộc	MN	Mẫu giáo Đại Lào	3	12	360	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Mẫu giáo Đại Lào	MN	3	12	360	1	2	2									
	28	Phường 3 Bảo Lộc	MN	Mầm non Dạ Nghịch	1	6	132	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Mầm non Dạ Nghịch	MN	1	6	132	1	1	2									
	29	Phường 3 Bảo Lộc	MN	Mẫu giáo Sao Sáng 1	3	7	215	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Chưa xác định	MN	5	14	410	1	2	2		3	1						
	30	Phường 3 Bảo Lộc	MN	Mẫu giáo Sao Sáng 2	2	7	195	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Chưa xác định																
	31	Phường 3 Bảo Lộc	THCS	THCS Hồng Bàng	1	8	300	1	0	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định																
	32	Phường 3 Bảo Lộc	TH	Tiểu học Võ Thị Sáu	1	10	341	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Chưa xác định	TH&THCS	3	31	1.179	1	2	2		2	4						
	33	Phường 3 Bảo Lộc	THCS	THCS Đại Lào	1	13	538	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Chưa xác định																
	34	Phường 3 Bảo Lộc	TH	Tiểu học Phạm Hồng Thái	1	17	596	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	TH	2	27	933	1	2	2		1	2						
	35	Phường 3 Bảo Lộc	TH	Tiểu học Lộc Châu 2	1	10	337	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Chưa xác định																
	36	Phường 3 Bảo Lộc	TH	Tiểu học Bé Văn Đàn	1	10	304	1	1	1	0	1	0	0	0	0	Chưa xác định	TH	2	25	824	1	2	2		1	1						
	37	Phường 3 Bảo Lộc	TH	Tiểu học Lộc Châu 1	1	15	520	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định																
	38	Phường 3 Bảo Lộc	TH	Tiểu học Tô Vĩnh Diện	1	10	308	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Chưa xác định	TH	2	23	753	1	2	2		1	2						
	39	Phường 3 Bảo Lộc	TH	Tiểu học Tân Sơn	1	13	445	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định																
	40	Phường 3 Bảo Lộc	TH	Tiểu học Hai Bà Trưng	1	15	518	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	TH	2	25	845	1	2	2		1	2						
	41	Phường 3 Bảo Lộc	TH	Tiểu học Lê Quý Đôn	1	10	327	1	1	2	1	0	0	0	0	1	CHCS Phan Bội Châu	THCS	1	28	1.212	1	2	2				3					
42	Phường 3 Bảo Lộc	THCS	THCS Phan Chu Trinh	1	25	1.101	1	1	2	1	0	0	0	1	0	THCS Phan Chu Trinh	THCS	1	25	1.101	1	1	2				3						
4	44	Phường B'Lao	MN	MG Lộc Nga	4	9	250	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Chưa xác định	MN	7	27	790	1	2	2		0	6	1					
	45	Phường B'Lao	MN	MG Kim Đồng 2	1	9	270	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Chưa xác định																
	46	Phường B'Lao	MN	MG Hoa Lư	2	9	270	1	2																								

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập			
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ									Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học
								Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng											
	55	Phường B'Lao	THCS	THCS Nguyễn Văn Trỗi	1	26	1.090	1	1	2	0	1	0	0	1	0	THCS Nguyễn Văn Trỗi	THCS	1	26	1.090	1	1	2			
5	56	Phường Cam Ly - Đà Lạt	MN	Mầm non 5	2	12	435	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Trường Mầm non Cam Ly	MN	4	22	840	1	2	2		3	2
	57	Phường Cam Ly - Đà Lạt	MN	Mầm non 6	2	10	405	1	2	2	1	0	1	0	0	0											
	58	Phường Cam Ly - Đà Lạt	MN	Mầm non Tà Nung	2	12	418	1	2	2	0	1	1	0	0	0	Giữ nguyên	MN	2	12	418	1	2	2			
	59	Phường Cam Ly - Đà Lạt	TH	Trường Tiểu học Tà Nung	1	16	660	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Cam Ly	TH	2	36	1.587	1	2	2		1	1
	60	Phường Cam Ly - Đà Lạt	TH	Trường Tiểu học Nam Thiện	1	20	927	1	1	2	1	0	0	0	0	1											
	61	Phường Cam Ly - Đà Lạt	TH	Trường Tiểu học Trần Bình Trọng	1	22	926	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Lê Lợi	TH	2	47	2.117	1	2	2		3	2
	62	Phường Cam Ly - Đà Lạt	TH	Trường Tiểu học Lê Lợi	1	25	1.191	1	2	2	0	1	0	0	1	0											
	63	Phường Cam Ly - Đà Lạt	THCS	THCS Lam Sơn	1	45	2.251	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Giữ nguyên	THCS	1	45	2.251	1	2	2			
6	64	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	MN	Mầm non 8	2	10	318	1	2	2	1				1		Mầm non Lâm Viên	MN	5	38	1.372	1	2	2	0	7	4
	65	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	MN	Mầm non 9	1	15	560	1	2	2	1				1												
	66	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	MN	Mầm non 12	1	11	429	1	2	2	1				1												
	67			Mầm non Hermann	1	2	65	1	0	0																	
	68	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	TH	Tiểu học Nguyễn Trãi	1	30	1.434	1	1	0						Tiểu học Nguyễn Trãi	TH	2	50	2.411	1	2	2	0	2	0	
	69	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	TH	Tiểu học Đa Thiện	1	20	977	1	2	2	1				1												
	70	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	TH	Tiểu học Lý Thường Kiệt	1	25	1.131	1	2	0						Tiểu học Lý Thường Kiệt	TH	2	45	2.181	1	2	2	0	3	0	
	71	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	TH	Tiểu học Phan Như Thạch	1	20	1.050	1	2	2		1			1												
	72	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	TH	Tiểu học Thái Phiên	1	20	913	1	2	2	1				1		Giữ nguyên	TH	1	20	913	1	2	2	0	0	0
7	73	Phường Lang Biang - Đà Lạt	MN	Mầm non Sơn Ca	1	12	410	1	2	2	1				1		Trường Mầm non Sơn Ca	MN	3	27	850	1	2	2		3	2
	74	Phường Lang Biang - Đà Lạt	MN	Mầm non Hòa Mì	2	15	440	1	2	2	1				1												
	75	Phường Lang Biang - Đà Lạt	MN	Mầm non Dạ Ngựt	2	8	239	1	2	2	1		1			Trường Mầm non Hoa Hồng	MN	5	22	739	1	2	2		3	2	
	76	Phường Lang Biang - Đà Lạt	MN	Mầm non 7	3	14	500	1	2	2	1				1												
	77	Phường Lang Biang - Đà Lạt	TH	Tiểu học Trần Quốc Toàn	1	24	982	1	2	2	1				1		Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	TH	2	29	1.203	1	2	2		1	1
	78	Phường Lang Biang - Đà Lạt	TH	Tiểu học Phước Thành	1	5	221	0	1	1	1																
	79	Phường Lang Biang - Đà Lạt	TH	Tiểu học xã Lát	2	12	328	1	1	2	1				1		Trường Tiểu học và THCS Quang Trung	TH&THCS	3	18	507	1	2	2		1	2
	80	Phường Lang Biang - Đà Lạt	THCS	THCS xã Lát	1	6	179	1	1	2	1				1												
	81	Phường Lang Biang - Đà Lạt	TH	Tiểu học Kim Đồng	2	19	679	1	1	2	1				1		Giữ nguyên	TH	2	19	679	1	1	2			
	82	Phường Lang Biang - Đà Lạt	TH	Tiểu học Đa Thành	1	25	1.144	1	2	2	1				1		Giữ nguyên	TH	1	25	1.144	1	2	2			1
	83	Phường Lang Biang - Đà Lạt	TH	Tiểu học Bạch Đằng	1	10	402	1	1	1	1	1					Giữ nguyên	TH	1	10	402	1	1	1			

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sắp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập			
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ										Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học
								Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
	84	Phường Lang Biang - Đà Lạt	THCS	THCS Hùng Vương	0	27	1.232	1	2	2	1				1	Giữ nguyên	THCS	0	27	1.232	1	2	2					
8	85	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	MN	Trường Mầm non 1	2	10	300	1	2	1	1		0		0	Mầm non Tô Ngọc Vân	MN	4	25	750	1	2	2		2	1		
	86	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	MN	Trường Mầm non 2	2	15	450	0	2	2	1				1													
	87	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	MN	Trường Mầm non 3	2	10	350	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Mầm non Xuân An	MN	3	20	655	1	2	2		3	1	
	88	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	MN	Trường Mầm non 4	1	10	305	1	2	1	1		0		0													
	89	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	MN	Trường Mầm non Anh Đào	1	15	475	1	2	2	1				1	Giữ nguyên	MN	1	15	475	1	2	2	2				
	90	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	MN	Trường Mầm non 10	2	11	317	1	2	2	1				1	Giữ nguyên	MN	2	11	317	1	2	2	2				
	91	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH	Trường TH Đoàn Thị Điểm	1	25	1.020	1	2	2	1				1	Giữ nguyên	MN	1	25	1.020	1	2	2	2				
	92	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH	Trường TH Đoàn Kết	1	20	801	1	2	2	1		0		1	Giữ nguyên	MN	1	20	801	1	2	2	2				
	93	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH	Trường TH Trưng Vương	1	24	980	1	2	2	1		0		1	Tiểu học Trưng Vương	TH	2	36	1.370	1	2	2		2	1		
	94	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH	Trường TH An Dương Vương	1	12	390	1	1	1		1																
	95	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH	Trường TH Lê Quý Đôn	1	35	1.336	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Tiểu học Lê Quý Đôn	TH	3	45	1.607	1	2	2		1	2	
	96	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH	Trường TH Cửu Long	1	5	177	1	0	1	1	0	0	0	0	0												
	97	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH	Trường TH Nam Thành	1	5	94	1	0	1	0	1	0	0	0	0	Giữ nguyên	TH	2	30	1.371	1	1	2				
	98	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH	Trường TH Mê Linh	2	30	1.371	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
	99	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH	Trường TH Hùng Vương	2	17	750	1	1	2	1				1	Tiểu học Hùng Vương	TH	3	23	935	1	2	2		1	1		
	100	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH	Trường TH Đa Lợi	1	6	185	1	1	1	0	1	0	0	0												0	
101	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	THCS	Trường THCS Nguyễn Du	1	68	3.328	1	2	3	1		1		1	Giữ nguyên	THCS	1	68	3.328	1	2	3						
102	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	THCS	Trường THCS Phan Chu Trinh	1	52	2.590	1	2	3	1	0	1	0	1	0	Giữ nguyên	THCS	1	52	2.590	1	2	3					
103	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	THCS	Trường THCS Quang Trung	1	58	2.565	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Giữ nguyên	THCS	1	58	2.565	1	2	2					
104	Phường Xuân Hương - Đà Lạt	TH&THCS	Trường TH và THCS Xuân Hương	1	22	900	1	2	0						Giữ nguyên	TH&THCS	1	22	900	1	2	0						
9	105	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	MN	Trường Mầm non 11	1	11	350	1	2	2	1				1	Trường Mầm non Sao Khuê	MN	4	22	650	1	2	2		3	1		
	106	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	MN	Trường Mầm non Xuân Thọ	3	11	300	1	2	1	1																	
	107	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	MN	Trường Mầm non Xuân Trường	1	8	230	1	1	1	1					Trường Mầm non Sương Mai	MN	2	15	430	1	2	2		2	0		
	108	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	MN	Trường Mầm non Trạm Hành	1	7	200	1	2	1	1																	
	109	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	TH	Trường Tiểu học Nam Hồ	1	12	446	1	1	1	1					Trường Tiểu học Chu Văn An	TH	5	49	1.532	1	2	2		4	2		
	110	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	TH	Trường Tiểu học Trại Mát	1	17	545	1	1	1	1																	
	111	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	TH	Trường Tiểu học Xuân Thọ	3	20	541	1	2	2	1			1														
	112	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	TH	Trường Tiểu học Xuân Trường	1	20	513	1	2	2		1	1														Trường Tiểu học Phan Bội Châu	TH

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sắp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập			
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ													Văn thư
								Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ		
	113	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	TH	Trường Tiểu học Trạm Hành	1	15	339	1	1	1					1		Trường Tiểu học Phan Bội Châu	TH	2	30	652	1	2	2			2	1
	114	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	THCS	Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	1	20	892	1	2	2	1				1		Trường THCS Nguyễn Đình Chiểu	THCS	1	20	892	1	2	2				
10	115	Xã Bảo Lâm 1	MN	Trường MN Hoa Mai	2	8	295	1	2	2		1			1		Trường Mầm non Vành Khuyên	MN	3	14	593	1	2	2		3	1	
	116	Xã Bảo Lâm 1	MN	Trường MN Vành Khuyên	1	6	298	1	2	1	1						Trường Mầm non Vành Khuyên	MN	3	14	593	1	2	2		3	1	
	117	Xã Bảo Lâm 1	MN	Trường MN Ánh Dương	1	10	380	1	2	2		1			1		Trường Mầm non Ánh Dương	MN	2	18	651	1	2	2		3	2	
	118	Xã Bảo Lâm 1	MN	Trường MN Ánh Đào	1	8	271	1	2	2	1				1		Trường Mầm non Ánh Dương	MN	2	18	651	1	2	2		3	2	
	119	Xã Bảo Lâm 1	MN	Trường MN Sao Mai	1	9	324	1	2	2	1				1		Trường Mầm non Sao Mai	MN	6	18	565	1	2	2		3	2	
	120	Xã Bảo Lâm 1	MN	Trường MN Lộc Ngãi B	5	9	241	1	2	2	1				1		Trường Mầm non Sao Mai	MN	6	18	565	1	2	2		3	2	
	121	Xã Bảo Lâm 1	TH	Trường Tiểu học Lộc Quảng	1	11	368	1	2	2	1			0	1		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Quang Trung	TH&THCS	2	19	657	1	2	2		2	1	
	122	Xã Bảo Lâm 1	THCS	Trường THCS Lộc Quảng	1	8	289	1	1	1	1						Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Quang Trung	TH&THCS	2	19	657	1	2	2		2	1	
	123	Xã Bảo Lâm 1	TH	Trường TH Kim Đồng	2	20	633	1	2	3	1		1		1		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Du	TH&THCS	3	31	1.030	1	2	2		3	3	
	124	Xã Bảo Lâm 1	THCS	Trường THCS Nguyễn Du	1	11	397	1	2	2	1				1		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Du	TH&THCS	3	31	1.030	1	2	2		3	3	
	125	Xã Bảo Lâm 1	TH	Trường TH Trần Quốc Toản	2	12	336	1	2	2	1		1				Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Du	TH&THCS	3	31	1.030	1	2	2		3	3	
	126	Xã Bảo Lâm 1	TH	Trường TH Lê Quý Đôn	1	11	419	1	1	2	1		1		0		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Du	TH&THCS	3	31	1.030	1	2	2		3	3	
	127	Xã Bảo Lâm 1	THCS	Trường THCS Hùng Vương	1	13	424	1	2	2	1			0	1		Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	TH	3	23	755	1	2	2		2	2	
	128	Xã Bảo Lâm 1	TH	Trường Tiểu học Tiên Hoàng	2	17	482	1	2	2	1				1		Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	TH	3	23	755	1	2	2		2	2	
129	Xã Bảo Lâm 1	TH	Trường TH Trần Hưng Đạo	1	30	1.155	1	2	2	1		1		0		Trường TH&THCS Hùng Vương	TH&THCS	3	30	906	1	2	2		3	2		
130	Xã Bảo Lâm 1	TH	Trường TH Ngô Gia Tự	3	20	536	1	1	3	2				1		Trường TH Trần Hưng Đạo	TH	1	30	1.155	1	2	2			3		
131	Xã Bảo Lâm 1	THCS	Trường THCS Lộc Ngãi B	1	13	436	1	1	2	1					1	Trường TH Ngô Gia tự	TH	3	20	536	1	1	3			3		
132	Xã Bảo Lâm 1	THCS	Trường THCS Trần Phú	1	28	1.206	1	2	3	1		1		1		Đổi tên thành Trường THCS Đinh Tiên Hoàng	THCS	1	13	436	1	1	2			1		
133	Xã Bảo Lâm 1	THCS	Trường PTDTNT-THCS Bảo Lâm	1	8	230	1	2	2	1				1		Sáp nhập vào trường THPT Bảo Lâm												
				Trường PTDTNT-THCS Bảo Lâm	1	8	230	1	2	2	1			1		Trường PTDTNT-THCS Bảo Lâm	THCS	1	8	230	1	2	2				3	
11	134	Xã Bảo Lâm 2	MN	Trường Mầm non Sơn Ca	4	13	392	1	2	2	1	0	0	0	1	0		Trường Mầm non Sơn Ca	MN	7	26	769	1	2	2		4	4
	135	Xã Bảo Lâm 2	MN	Trường Mầm Non Tân Lạc	1	5	140	1	0	2	0	1	0	0	0	1		Trường Mầm non Sơn Ca	MN	7	26	769	1	2	2		4	4
	136	Xã Bảo Lâm 2	MN	Trường Mẫu giáo Lộc Đức	2	8	237	1	2	2	0	1	0	0	1	0												
	137	Xã Bảo Lâm 2	TH&THCS	Trường TH&THCS Phan Bội Châu	2	17	587	1	2	2	1	0	0	0	1	0		Trường Mầm non Sơn Ca	MN	7	26	769	1	2	2		4	4
	138	Xã Bảo Lâm 2	TH	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	2	15	424	1	2	1	0	1	0	0	0	0		Trường TH&THCS Phan Bội Châu	TH&THCS	4	32	1.011	1	2	2		3	1
	139	Xã Bảo Lâm 2	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	2	27	899	1	2	2	1	0	0	0	0	1		Trường TH&THCS Phan Bội Châu	TH&THCS	4	32	1.011	1	2	2		3	1
	140	Xã Bảo Lâm 2	TH	Trường Tiểu học B' Đơr	2	14	337	1	1	2	1	0	0	0	1	0		Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	TH	4	41	1.236	1	2	2		2	2
141	Xã Bảo Lâm 2	TH&THCS	Trường TH&THCS Tây Sơn	1	18	518	1	2	2	1	0	0	0	1	0		Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	TH	4	41	1.236	1	2	2		2	2	
				Trường TH&THCS Tây Sơn	1	18	518	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH&THCS Tây Sơn	TH&THCS	1	18	518	1	2	2			2	

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sáp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập		
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng		Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ
											Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng											
	142	Xã Bảo Lâm 2	TH&THCS	Trường TH&THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	17	483	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH&THCS Nguyễn Bình Khiêm	TH&THCS	1	17	483	1	2	2			2
	143	Xã Bảo Lâm 2	THCS	Trường THCS Quang Trung	1	25	916	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường THCS Quang Trung	THCS	1	25	916	1	2	1			1
12	144	Xã Bảo Lâm 3	MN	Trường Mầm non Lộc Nam	4	14	552	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Lộc Nam	MN	4	14	552	1	2	2			
	145	Xã Bảo Lâm 3	MN	Trường Mầm non Ánh Hồng	2	12	435	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Ánh Hồng	MN	2	12	435	1	2	2			
	146	Xã Bảo Lâm 3	MN	Trường Mầm non Lộc Thành B	2	10	322	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Lộc Thành	MN	2	10	322	1	2	2			
	147	Xã Bảo Lâm 3	THCS	Trường THCS Lộc Nam	1	25	970	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường THCS Lộc Nam	THCS	1	25	970	1	2	1			
	148	Xã Bảo Lâm 3	TH&THCS	Trường TH&THCS Vừ A Dính	2	18	261	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH&THCS Vừ A Dính	TH&THCS	2	18	261	1	2	2			
	149	Xã Bảo Lâm 3	TH	Trường Tiểu học Lộc Nam A	2	20	602	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Lộc Nam	TH	4	44	1.302	1	2	2		4	3
	150	Xã Bảo Lâm 3	TH	Trường Tiểu học Lộc Nam B	1	14	418	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	151	Xã Bảo Lâm 3	TH	Trường Tiểu học Lộc Nam C	1	10	282	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
	152	Xã Bảo Lâm 3	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến	1	20	710	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH Nguyễn Khuyến	TH	2	39	1.340	1	2	2		3	3
	153	Xã Bảo Lâm 3	TH	Trường Tiểu học Lộc Thành B	1	19	630	1	2	3	1	0	1	0	1	0	Trường THCS Lộc Thành	THCS	2	27	998	1	2	2		2	1
	154	Xã Bảo Lâm 3	THCS	Trường THCS Lộc Thành	1	15	550	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
	155	Xã Bảo Lâm 3	THCS	Trường THCS Phạm Văn Đồng	1	12	448	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
13	156	Xã Bảo Lâm 4	MN	Trường Mầm non Lộc Phú	1	7	169	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Trường Mầm non Lộc Phú	MN	3	21	550	1	2	2	0	5	3
	157	Xã Bảo Lâm 4	MN	Trường Mầm non Lộc Lâm	1	7	193	1	1	1	0	1	0	0	0	0											
	158	Xã Bảo Lâm 4	MN	Trường Mầm non B' Lá	1	7	188	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
	159	Xã Bảo Lâm 4	TH&THCS	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn	2	18	544	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH&THCS Bế Văn Đàn	TH&THCS	2	18	544	1	2	2	0	0	3
	160	Xã Bảo Lâm 4	TH&THCS	Trường TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi	1	16	510	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường TH&THCS Nguyễn Văn Trỗi	TH&THCS	1	16	510	1	2	1	0	0	1
	161	Xã Bảo Lâm 4	TH&THCS	Trường TH&THCS Lương Thế Vinh	1	18	537	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH&THCS Lương Thế Vinh	TH&THCS	1	18	537	1	2	2	0	0	3
14	162	Xã Bảo Lâm 5	MN	Trường MN Lộc Bảo	2	10	301	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Trường MN Lộc Bảo	MN	4	20	622	1	2	2		2	2
	163	Xã Bảo Lâm 5	MN	Trường MN Lộc Bắc	2	10	321	1	1	2	0	1	0	0	1	0											
	164	Xã Bảo Lâm 5	TH	Trường TH Lộc Bắc	1	10	341	0	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường TH Bảo Lâm 5	TH	3	30	1.033	1	2	2		1	2
	165	Xã Bảo Lâm 5	TH	Trường TH Lộc Bảo	2	20	692	1	1	2	0	1	0	0	1	0											
	166	Xã Bảo Lâm 5	TH&THCS	Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám	1	16	525	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Trường TH&THCS Hoàng Hoa Thám	TH&THCS	1	16	525	1	2	2			
	167	Xã Bảo Thuận	MN	Trường Mẫu giáo Bảo Thuận	5	9	300	1	2	1	1					0	Trường Mẫu giáo Đình Lạc	MN	13	25	797	1	2	2		4	1
	168	Xã Bảo Thuận	MN	Trường Mẫu giáo Tân nghĩa	5	8	237	0	2	1	1					0											
	169	Xã Bảo Thuận	MN	Trường Mẫu giáo Đình Lạc	3	8	260	1	1	1	1					0											
	170	Xã Bảo Thuận	TH	Trường Tiểu học Tân Nghĩa II	2	10	243	1	1	2	1					1											
				Trường Tiểu học Tân Phú													TH	4	24	615	1	2	2		1	1	

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sáp xếp học sinh quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập					
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ												Văn thư		
								Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ			
15	171	Xã Bảo Thuận	TH	Trường Tiểu học Tân Phú	2	14	372	1	1	1	1				0	Trường Tiểu học Tân Phú	TH	4	24	613	1	2	2			1	1		
	172	Xã Bảo Thuận	TH	Trường Tiểu học Bảo Thuận	1	28	890	1	2	2	1			1		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bảo Thuận	TH&THCS									1	2		
	173	Xã Bảo Thuận	THCS	Trường Trung học cơ sở Bảo Thuận	1	14	603	0	2	2	1			1				2	42	1.493	1	3	2			1	2		
	174	Xã Bảo Thuận	TH	Trường Tiểu học Đình Lạc	1	20	610	1	2	2	1			1		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đình Lạc	TH&THCS									2	2		
	175	Xã Bảo Thuận	THCS	Trường THCS Đình Lạc	1	22	838	1	2	2	1			1				2	42	1.448	1	3	2			2	2		
	176	Xã Bảo Thuận	TH&THCS	Trường TH và THCS Tân Nghĩa	2	20	615	1	2	2	1				1	Trường TH và THCS Tân Nghĩa	TH&THCS			2	20	615	1	2	2				
16	177	Xã Cát Tiên	MN	Trường MN Nam Ninh	2	8	141	0	3	2	1			1		Trường MN Đồng Nai	MN			4	18	410	1	2	2	2	1	2	
	178	Xã Cát Tiên	MN	Trường Đồng Nai	2	10	269	1	2	2	1			1															
	179	Xã Cát Tiên	MN	Trường MN Phù Mỹ	1	10	252	1	2	1	1					Trường MN Phù Mỹ	MN			3	17	402	1	2	2	1	1	0	
	180	Xã Cát Tiên	MN	Trường MN Quảng Ngãi	2	7	150	1	1	1	1																		
	181	Xã Cát Tiên	TH	Trường TH Nam Ninh	2	14	267	1	1	1	1					Trường TH&THCS Nam Ninh	TH&THCS			3	19	418	1	2	2		1	1	
	182	Xã Cát Tiên	THCS	Trường THCS Nam Ninh	1	5	151	1	1	2	1			1						3	19	418	1	2	2			1	1
	183	Xã Cát Tiên	TH	Trường TH Quảng Ngãi	2	10	242	1	1	2	1				1														
	184	Xã Cát Tiên	THCS	Trường THCS Quảng Ngãi	1	8	218	1	1	2	1				1	Trường TH&THCS Quảng Ngãi	TH&THCS			3	18	460	1	2	2			1	2
	185	Xã Cát Tiên	TH	Trường TH Lê Hồng Phong	2	28	617	1	2	1	1					Trường TH Lê Hồng Phong	TH			2	28	617	1	2	1				
	186	Xã Cát Tiên	TH	Trường TH Phù Mỹ	1	13	416	1	1	2	1				1	Trường TH Phù Mỹ	TH			1	13	416	1	1	2				
	187	Xã Cát Tiên	THCS	Trường THCS Đồng Nai	2	23	813	1	1	2	1				1	Trường THCS Đồng Nai	THCS			2	23	813	1	1	2				
17	188	Xã Cát Tiên 2	MN	MN Phước Cát 2	4	8	141	1	2	1	1					Giữ nguyên	MN			4	8	141	1	2	1				
	189	Xã Cát Tiên 2	MN	MN Phước Cát	1	10	241	1	2	1	1					MN Phước Cát	MN			2	14	335	1	2	2			2	1
	190	Xã Cát Tiên 2	MN	Mầm non Đức Phổ	1	4	94	1	1	2	1			1															
	191	Xã Cát Tiên 2	TH	TH Phước Cát 2	4	15	249	1	2	1	1					Trường TH&THCS Phước Cát 2	TH&THCS			5	21	399	1	2	2			2	0
	192	Xã Cát Tiên 2	THCS	THCS Phước Cát 2	1	6	150	1	1	1	1																		
	193	Xã Cát Tiên 2	TH	TH Phước Cát	2	20	614	1	2	2	2					Trường TH&THCS Phước Cát	TH&THCS			3	34	1.084	1	2	2	1	2	2	
	194	Xã Cát Tiên 2	THCS	THCS Phước Cát	1	14	470	1	2	2	1			1															
	195	Xã Cát Tiên 2	TH	TH Đức Phổ	1	6	168	1	1	1	1					Trường TH&THCS Đức Phổ	TH&THCS			2	12	331	1	2	2			1	1
	196	Xã Cát Tiên 2	THCS	THCS Đức Phổ	1	6	163	1	1	2	1				1														
	197	Xã Cát Tiên 3	MN	Trường MN Đồng Nai Thượng	1	5	123	0	2	2	1			1		Trường Mầm non Cát Tiên 3.	MN		6	24	459	1	2	2	1	2	4		
	198	Xã Cát Tiên 3	MN	Trường MN Tiên Hoàng	1	10	110	1	0	2	1			1															
	199	Xã Cát Tiên 3	MN	Trường MN Gia Viễn	4	9	226	1	2	2	1			1															

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập			
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ													Văn thư
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ		
18	200	Xã Cát Tiên 3	TH	Trường Tiểu học Gia Viễn	3	16	374	1	2	1	1			0	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Gia Viễn	TH&THCS	4	25	678	1	2	2	1	2	1		
	201	Xã Cát Tiên 3	THCS	Trường THCS Gia Viễn	1	9	304	1	2	2	1		1														
	202	Xã Cát Tiên 3	TH	Trường Tiểu học Tiên Hoàng	2	14	215	1	1	1	1		0	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tiên Hoàng	TH&THCS	3	21	419	1	2	2		1	1			
	203	Xã Cát Tiên 3	THCS	Trường THCS Tiên Hoàng	1	7	204	1	1	2	1		1														
	204	Xã Cát Tiên 3	TH&THCS	Trường TH&THCS Đồng Nai Thượng	1	15	344	1	2	2	1		1	Trường TH&THCS Đồng Nai Thượng	TH&THCS	1	15	344	1	2	2			1			
19	205	Xã Dran	MN	Trường Mầm non Châu Sơn	1	6	190	1	2	2	1		1	Trường Mầm non Châu Sơn	MN	2	12	370	1	2	2		2	1			
	206	Xã Dran	MN	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	1	6	180	1	1	1	1																
	207	Xã Dran	MN	Trường Mầm non D'Ran	1	9	255	1	1	1	1			Trường Mầm non D'Ran	MN	1	9	255	1	1	1						
	208	Xã Dran	MN	Trường Mẫu giáo Măng Non	2	9	241	1	2	1	1			Trường Mẫu giáo Măng Non	MN	2	9	241	1	2	1						
	209	Xã Dran	TH	Trường Tiểu học Lạc Viên	1	10	292	0	1	1	1			Trường Tiểu học Châu Sơn	TH	2	16	496	1	2	2		0	0			
	210	Xã Dran	TH	Điểm chính Trường Tiểu học Châu Sơn	1	6	204	1	1	1	1																
	211	Xã Dran	TH	Trường Tiểu học Lạc Xuân	1	16	570	1	1	1	1			Trường Tiểu học Lạc Xuân	TH	2	22	772	1	1	1		0	0			
	212			Phân hiệu tại Châu Sơn Trường Tiểu học Châu Sơn	1	6	202	0	0	0	0																
	213	Xã Dran	TH	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	1	19	595	0	1	2	1		1	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	TH	2	25	700	1	2	2		0	0			
	214	Xã Dran	TH	Điểm trường chính Trường Tiểu học Đường Mới	1	6	105	1	1	0																	
	215	Xã Dran	TH	Trường Tiểu học Lâm Tuyền	2	11	320	1	1	1	1			Trường Tiểu học Lâm Tuyền	TH	3	15	446	1	1	1		0	0			
	216			Điểm trường tại Hòa Bình Trường Tiểu học Đường Mới	1	4	126	0	0	0																	
	217	Xã Dran	THCS	Trường THCS Lạc Xuân	1	12	530	1	1	2	1		1	Trường THCS Lạc Xuân	THCS	2	20	875	1	2	2		1	2			
218	Xã Dran	THCS	Trường THCS Châu Sơn	1	8	345	1	1	2	1		1															
219	Xã Dran	THCS	Trường THCS D'Ran	1	12	475	1	1	2	1		1	Trường THCS Lạc Nghiệp	THCS	2	27	1.082	1	2	2		1	2				
220	Xã Dran	THCS	Trường THCS Lạc Nghiệp	1	15	607	1	1	2	1		1															
20	221	Xã Đạ Huoai	MN	Trường Mầm non Hoa Mai	2	8	235	1	2	1	1	0	0	0	0	Trường Mầm non Hoa Mai	MN	3	14	370	1	2	2		2	0	
	222	Xã Đạ Huoai	MN	Trường Mầm non Ánh Dương	1	6	135	1	1	1	1	0	0	0	0												
	223	Xã Đạ Huoai	MN	Trường Mầm non Tuổi Thơ	2	6	169	1	1	1	1	0	0	0	0	Trường Mầm non Tuổi Thơ	MN	3	9	239	1	2	2		0	0	
	224	Xã Đạ Huoai	MN	Trường Mầm non Vành khuyên	1	3	70	1	0	1	1	0	0	0	0												
	225	Xã Đạ Huoai	TH	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	3	30	987	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	TH	3	30	987	1	2	2			
	226	Xã Đạ Huoai	TH	Trường Tiểu học Hùng Vương	1	10	325	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Hùng Vương	TH	2	20	600	1	2	2		1	1
	227	Xã Đạ Huoai	TH	Trường Tiểu học Mạc Đình Chi	1	10	275	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	228	Xã Đạ Huoai	THCS	Trường THCS Trần Phú	1	17	744	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Sáp nhập vào Trường THPT Đạ Huoai										

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ									Văn thư		Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
	229	Xã Đa Huoai	TH&THCS	Trường Tiểu học THCS Đa Tồn	1	9	221	1	1	1	1	0	0	0	0	Trường TH và THCS Mạc Đình Chi	TH&THCS	3	25	750	1	2	2		3	3	
	230	Xã Đa Huoai	THCS	Trường THCS Madaguôi	1	8	287	1	1	2	1	0	0	0	1												0
	231	Xã Đa Huoai	THCS	Trường THCS Đa Oai	1	8	242	1	1	2	1	0	0	0	1												0
21	232	Xã Đa Huoai 2	MN	Trường MN Phong Lan	1	6	170	1	2	1	1				0	Trường MN Đa Huoai 2	MN	4	18	503	1	2	2		4	1	
	233	Xã Đa Huoai 2	MN	Trường MN Hoa Hồng	2	6	165	1	1	1	1				0												0
	234	Xã Đa Huoai 2	MN	Trường MN Sơn Ca	1	6	168	1	1	1	1				0												0
	235	Xã Đa Huoai 2	TH	Trường TH Đa M'ri	2	16	587	1	2	1	1				0	0	Trường TH&THCS Đa M'ri	TH&THCS	2	16	587	1	2	1			
	236	Xã Đa Huoai 2	THCS	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1	12	475	1	1	2	1				1	0	Sáp nhập vào trường THPT Dạm Rì										
	237	Xã Đa Huoai 2	TH	Trường TH Hà Lâm	1	10	368	1	1	1	1				0	0	Trường TH&THCS Hà Lâm	TH&THCS	2	18	622	1	2	2		0	1
	238	Xã Đa Huoai 2	THCS	Trường THCS Hà Lâm	1	8	254	1	0	2	1				1	0											
	239	Xã Đa Huoai 2	TH	Trường TH Võ Thị Sáu	2	14	372	1	1	1	1				0	0	Trường TH&THCS Phước Lộc	TH&THCS	3	21	613	1	2	2	1	0	1
	240	Xã Đa Huoai 2	THCS	Trường THCS Phước Lộc	1	7	241	1	1	2	1				1	0											
22	241	Xã Đa Huoai 3	MN	MN Hoa Mì	1	4	110	1	1	1	1		0	0		Mầm non Hướng Dương	MN	2	10	277	1	2	2		1	0	
	242	Xã Đa Huoai 3	MN	MN Hướng Dương	1	6	167	1	1	1	1		0	0													
	243	Xã Đa Huoai 3	TH	TH Đa P'loa	1	14	189	1	1	1	1		0	0		Tiểu học Đa P'loa	TH	2	21	600	1	2	2		0	0	
	244	Xã Đa Huoai 3	TH	TH Đoàn Kết	1	7	411	1	0	1	1		0	0													
	245	Xã Đa Huoai 3	THCS	THCS Đa P'loa	1	10	372	1	0	2		1			1	THCS Đa P'loa	THCS	1	10	372	1	0	2				
23	246	Xã Đa Têh	MN	MN Đa Têh	1	18	550	1	2	2	1	0	0	0	1	MN Đa Têh	MN	2	25	718	1	2	2		3	2	
	247	Xã Đa Têh	MN	MN Ánh Dương	1	7	168	1	2	2	1	0	0	0	1												0
	248	Xã Đa Têh	MN	MN An Nhơn	2	7	190	1	1	1	1	0	0	0	0	MN Sao Mai	MN	4	18	430	1	2	2		3	2	
	249	Xã Đa Têh	MN	MN Sao Mai	1	6	125	1	1	1	1	0	0	0	0												0
	250	Xã Đa Têh	MN	MN Hương Lâm	1	5	115	1	1	2	1	0	0	0	1												0
	251	Xã Đa Têh	TH	TH Hùng Vương	2	15	347	1	1	1	1	0	0	0	0	TH & THCS Hương Lâm	TH&THCS	3	24	693	1	2	2		1	1	
	252	Xã Đa Têh	THCS	THCS Hương Lâm	1	9	346	1	1	2	1	0	0	0	1												0
	253	Xã Đa Têh	THCS	THCS An Nhơn	1	8	240	1	1	2	1	0	0	0	1	0	TH & THCS An Nhơn	TH&THCS	3	23	563	1	2	2		1	1
	254	Xã Đa Têh	TH	TH An Nhơn	2	15	323	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
	255	Xã Đa Têh	TH	TH Lương Thế Vinh	1	20	603	1	1	2	1	0	0	0	1	0	TH Lương Thế Vinh	TH	1	20	603	1	1	2			1
	256	Xã Đa Têh	TH	TH Quang Trung	1	18	569	1	2	1	1	0	0	0	0	0	TH Quang Trung	TH	1	18	569	1	2	1			
	257	Xã Đa Têh	TH	TH Lê Lợi	2	15	344	1	1	2	1	0	0	0	1	0	TH Lê Lợi	TH	2	15	344	1	1	2			

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sắp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bổ trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập					
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ									Văn thư		Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghi theo chế độ	
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng													
	258	Xã Đa Tịch	THCS	THCS Chu Văn An	1	18	845	1	1	2	1	0	0	0	1	0	THCS Chu Văn An	THCS	1	18	845	1	1	2				
	259	Xã Đa Tịch	THCS	THCS Nguyễn Du	1	12	520	1	1	2	1	0	0	0	1	0	THCS Nguyễn Du	THCS	1	12	520	1	1	2				
24	260	Xã Đa Tịch 2	MN	Trường Mầm non Anh Đào	2	7	177	1	1	1	1						Trường Mầm non Anh Đào	MN	2	7	177	1	1	1				
	261	Xã Đa Tịch 2	MN	Trường Mầm non Dạ Pal	2	5	135	1	1	1	1						Trường Mầm non Dạ Pal	MN	2	5	135	1	1	1				
	262	Xã Đa Tịch 2	TH&THCS	Trường Tiểu học và THCS Xuân Thành	2	15	322	1	2	1		1					Trường Tiểu học và THCS Xuân Thành	TH&THCS	2	15	322	1	2	1				
	263	Xã Đa Tịch 2	THCS	Trường THCS Triệu Hải	1	10	343	1	1	2	1				1		Trường THCS Triệu Hải	THCS	1	10	343	1	1	2				
	264	Xã Đa Tịch 2	MN	Trường Mầm non Triệu Hải	1	5	135	1	1	1	1						Trường Mầm non Quảng Trị	MN	2	11	275	1	2	2		1	0	
	265	Xã Đa Tịch 2	MN	Trường Mầm non Quảng Trị	1	6	140	1	1	1	1	1																
	266	Xã Đa Tịch 2	TH	Trường Tiểu học Triệu Hải	1	10	219	1	1	1	1	1					Trường Tiểu học Triệu Hải	TH	2	20	429	1	2	2		1	0	
	267	Xã Đa Tịch 2	TH	Trường Tiểu học Quảng Trị	1	10	210	1	1	1	1	1																
	268	Xã Đa Tịch 2	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	1	10	263	1	0	1	1						Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Dạ Kho	TH&THCS	2	18	483	1	2	2		0	1	
	269	Xã Đa Tịch 2	THCS	Trường THCS Dạ Kho	1	8	220	1	1	2	1				1													
25	270	Xã Đa Tịch 3	MN	MN Hoàng Anh	1	6	127	1	1	1	1	0	0	0	0	0												
	271	Xã Đa Tịch 3	MN	MN Đồng Tâm	2	6	140	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Dạ Tịch 3	MN	5	20	452	1	2	2		3	3	
	272	Xã Đa Tịch 4	MN	MN Hoa Sen	2	8	185	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
	273	Xã Đa Tịch 5	TH	TH Hà Đông	1	10	213	1	1	1	1	0	0	0	0	0												
	274	Xã Đa Tịch 6	TH	TH Mỹ Đức	2	14	288	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Dạ Tịch 3	TH	5	39	886	1	2	2		3	1	
	275	Xã Đa Tịch 7	TH	TH Quốc Oai	2	15	385	1	1	1	0	1	0	0	0	0	Bổ nhiệm tại chỗ (4Sinh/12 lớp) cấp THCS thuộc trường THPT Lê Quý Đôn - Dạ Tịch sáp nhập với trường THCS Quốc Oai.	THCS	1	8	277	1	1	2				
	276	Xã Đa Tịch 3	THCS	THCS Quốc Oai	1	8	277	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
26	277	Xã Đàm Rông 1	MN	Trường Mầm non Phi Liêng	3	14	474	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường Mầm non Phi Liêng	MN	3	14	474	1	2	2				
	278	Xã Đàm Rông 1	MN	Trường Mầm non Dạ K'Nàng	3	15	430	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Trường Mầm non Dạ K'Nàng	MN	3	15	430	1	2	2				
	279	Xã Đàm Rông 1	TH	Trường Tiểu học Chu Văn An	2	17	593	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Chu Văn An	TH	3	25	834	1	2	2		0	2	
	280	Xã Đàm Rông 1	TH	Trường Tiểu học Lăng Tô	1	8	241	1	0	2	1	0	0	0	1	0												
	281	Xã Đàm Rông 1	TH	Trường Tiểu học Dạ K'Nàng	2	20	704	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường Tiểu học Dạ K'Nàng	TH	4	32	1.069	1	2	2		2	0	
	282	Xã Đàm Rông 1	TH	Trường Tiểu học Phi Liêng	2	12	365	1	1	1	1	0	0	0	0	0												
	283	Xã Đàm Rông 1	THCS	Trường THCS Phi Liêng	1	19	721	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Sáp nhập vào trường THPT Nguyễn Chí Thanh											
	284	Xã Đàm Rông 1	THCS	Trường THCS Dạ K'Nàng	1	14	535	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường THCS Dạ K'Nàng	THCS	1	14	535	1	1	1				
	285	Xã Đàm Rông 2	MN	Trường mầm non Bằng Lăng	3	16	579	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường mầm non Dạ Bằng Lăng	MN	6	24	866	1	2	2		0	3	2
	286	Xã Đàm Rông 2	MN	Trường mầm non Liêng Srônh	3	8	287	1	2	2	1	0	0	0	1	0												

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập					Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập		
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã		Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nhi theo chế độ	
										Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
27	287	Xã Đam Rông 2	TH	Trường Tiểu học Bắg Lắg	1	14	511	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường tiểu học Rô Men	TH	4	38	1.263	1	2	2	0	2	2
	288	Xã Đam Rông 2	TH	Trường Tiểu học Rô Men	3	24	752	1	2	2	0	1	0	0	1	0											
	289	Xã Đam Rông 2	TH	Trường Tiểu học Liêg Srồnh	4	32	974	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Giữ nguyên	TH	4	32	974	1	2	2	0	0	0
	290	Xã Đam Rông 2	THCS	Trường THCS Rô Men	2	12	378	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Sáp nhập vào Trường THCS&THPT Võ Nguyên Giáp										
	291	Xã Đam Rông 2	THCS	Trường PT Dân tộc nội trú THCS Đam Rông	1	12	350	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường PT Dân tộc nội trú THCS Đam Rông	THCS	1	12	350	1	2	2	0	0	0
28	292	Xã Đam Rông 3	MN	Trường Mầm non Đạ Rsal	4	18	612	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Đạ Rsal	MN	4	18	612	1	2	2			
	293	Xã Đam Rông 3	MN	Trường Mầm non Đạ M'Rông	3	13	444	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Trường Mầm non Đạ M'Rông	MN	3	13	444	1	2	2			
	294	Xã Đam Rông 3	TH	Trường Tiểu học Đạ Rsal	3	21	632	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học & THCS Trần Phú	TH&THCS	5	32	983	1	2	2	2	2	2
	295	Xã Đam Rông 3	THCS	Trường THCS Trần Phú	2	11	351	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	296	Xã Đam Rông 3	TH	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	1	23	809	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học & THCS Lê Hồng Phong	TH&THCS	2	42	1.525	1	3	2	2	2	2
	297	Xã Đam Rông 3	THCS	Trường THCS Lê Hồng Phong	1	19	716	1	2	2	1	0	0	0	0	1											
	298	Xã Đam Rông 3	TH	Trường Tiểu học Đạ M'Rông	2	19	663	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học & THCS Đạ M'Rông	TH&THCS	3	28	973	1	2	2	2	2	2
	299	Xã Đam Rông 3	THCS	Trường THCS Đạ M'Rông	1	9	310	1	1	2	0	1	0	0	0	1											
29	300	Xã Đam Rông 4	TH	TH Đưng K' Nớ	2	14	334	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH & THCS Đưng K' Nớ	TH&THCS	3	19	514	1	2	2		1	2
	301	Xã Đam Rông 4	THCS	THCS Đưng K' Nớ	1	5	180	1	1	2	0	1	0	0	1	0											
	302	Xã Đam Rông 4	MN	MN Đạ Tông	5	18	620	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường MN Đạ Tông	MN	7	27	925	1	2	2	3	1	
	303	Xã Đam Rông 4	MN	MN Đạ Long	2	9	305	1	2	1	1	0	0	0	0	0											
	304	Xã Đam Rông 4	TH	TH Đạ Long	1	16	486	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường TH&THCS Đạ Long	TH&THCS	2	24	746	1	2	2	1	0	2
	305	Xã Đam Rông 4	THCS	THCS Đạ Long	1	8	260	1	1	2	0	1	0	0	1	0											
	306	Xã Đam Rông 4	TH	TH Đạ Tông	1	19	626	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường TH Đạ Tông	TH	3	39	1.298	1	2	2		3	2
	307	Xã Đam Rông																									

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sáp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập			
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ										Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
	345	Xã Đinh Trang Thượng	TH	Trường Tiểu học Tân Lâm	1	26	844	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Tân Lâm	TH	1	26	844	1	2	2			
	346	Xã Đinh Trang Thượng	THCS	Trường Trung học cơ sở Tân Lâm	1	18	702	1	0	2	0	1	0	0	1	0	Sáp nhập với trường THPT Nguyễn Huệ - Đinh Trang Thượng										
	347	Xã Đinh Trang Thượng	TH&THCS	Trường TH-THCS Đinh Trang Thượng	2	22	659	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH-THCS Đinh Trang Thượng	TH&THCS	2	22	659	1	2	2			
33	348	Xã Đinh Văn Lâm Hà	MN	Mầm Non 1	4	14	489	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Mầm non Hòa Mi	MN	4	14	489	1	2	1	0		0
	349	Xã Đinh Văn Lâm Hà	MN	MG Tân Văn	5	12	327	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Mẫu giáo Tân Văn	MN	5	12	327	1	2	2	0		0
	350	Xã Đinh Văn Lâm Hà	MN	Mầm Non 3	1	7	240	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Mầm non Sơn Ca	MN	3	14	450	1	2	2	0	2	0
	351	Xã Đinh Văn Lâm Hà	MN	MG Bình Thạnh	2	7	210	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
	352	Xã Đinh Văn Lâm Hà	TH	TH Đinh Văn 1	1	18	651	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Tiểu học Chu Văn An	TH	2	33	1.166	1	2	2	0	1	1
	353	Xã Đinh Văn Lâm Hà	TH	TH Đinh Văn 5	1	15	515	1	1	1	0	1	0	0	0	0	Tiểu học Kim Đồng	TH	2	23	702	1	1	1	0		0
	354	Xã Đinh Văn Lâm Hà	TH	TH Kim Đồng	2	23	702	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Tiểu học Kim Đồng	TH	2	23	702	1	1	1	0		0
	355	Xã Đinh Văn Lâm Hà	TH	TH Tân Văn 1	1	20	650	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Tiểu học Võ Thị Sáu	TH	2	30	928	1	2	2	0	1	1
	356	Xã Đinh Văn Lâm Hà	TH	TH Tân Văn 3	1	10	278	0	1	1	1	0	0	0	0	0	Tiểu học Lê Quý Đôn	TH	2	33	1.249	1	2	2	0	1	1
	357	Xã Đinh Văn Lâm Hà	TH	TH Đinh Văn 3	1	15	525	1	0	1	1	0	0	0	0	0	Tiểu học Lê Quý Đôn	TH	2	33	1.249	1	2	2	0	1	1
	358	Xã Đinh Văn Lâm Hà	TH	TH Bình Thạnh	1	18	724	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
	359	Xã Đinh Văn Lâm Hà	THCS	THCS Lý Tự Trọng	1	32	1.476	1	2	2	1	0	0	0	1	0	THCS Lý Tự Trọng	THCS	1	32	1.476	1	2	2	0		0
	360	Xã Đinh Văn Lâm Hà	THCS	THCS Tân Văn	1	17	719	1	1	2	0	1	0	0	1	0	THCS Nguyễn Trãi	THCS	1	17	719	1	1	2	0		0
	361	Xã Đinh Văn Lâm Hà	THCS	THCS Hòa Lạc	1	9	371	1	1	2	1	0	0	0	1	0	THCS Nguyễn Du	THCS	2	23	926	1	2	2	0	0	2
	362	Xã Đinh Văn Lâm Hà	THCS	THCS Bình Thạnh	1	14	555	1	0	2	1	0	0	0	1	0											
34	363	Xã Đơn Dương	MN	Trường Mầm non Sơn Ca	2	16	625	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Sơn Ca	MN	4	27	1.010	1	2	2	0	3	1
	364	Xã Đơn Dương	MN	Trường Mẫu Giáo Suối Thông	2	11	385	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mầm non Tu Tra	MN	4	16	546	1	2	2	1	1	0
	365	Xã Đơn Dương	MN	Trường Mầm non Tu Tra	2	9	320	1	1	1	0	1	0	0	0	0	Trường Mầm non Tu Tra	MN	4	16	546	1	2	2	1	1	0
	366	Xã Đơn Dương	MN	Trường Mầm non Hòa Mi	2	7	226	1	2	1	0	1	0	0	0	0											
	367	Xã Đơn Dương	TH	Trường Tiểu học Thạnh Mỹ	1	27	1.039	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường TH&THCS Thạnh Mỹ	TH&THCS	3	74	3.049	1	3	2	0	4	3
	368	Xã Đơn Dương	TH	Trường Tiểu học Nghĩa Lập	1	15	610	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường TH&THCS Thạnh Mỹ	TH&THCS	3	74	3.049	1	3	2	0	4	3
	369	Xã Đơn Dương	THCS	Trường THCS Thạnh Mỹ	1	32	1.400	1	2	2	1	0	0	0	0	1											
	370	Xã Đơn Dương	TH	Trường Tiểu học Đạ Ròn	2	19	660	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường TH&THCS Đạ Ròn	TH&THCS	4	44	1.505	1	3	2	0	1	2
	371	Xã Đơn Dương	TH	Trường Tiểu học Suối Thông	1	10	300	0	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường TH&THCS Đạ Ròn	TH&THCS	4	44	1.505	1	3	2	0	1	2
	372	Xã Đơn Dương	THCS	Trường THCS Đạ Ròn	1	15	545	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	373	Xã Đơn Dương	TH	Trường Tiểu học Tu Tra	1	14	495	1	1	0	0	0	0	0	0	0	Trường TH&THCS Tu Tra	TH&THCS	2	34	1.255	1	2	1	0	1	0

35

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sắp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trị, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập																
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Tổng cộng	Kế toán	Thủ quỹ		Văn thư																										
							Viên chức	Hợp đồng			Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng		Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ														
	403	Xã Gia Hiệp	TH	Trường TH Tam Bỏ	2	23	674	1	2	2	1	0	0	0	1	0	TH-THCS Tam Bỏ	TH&THCS	3	37	1.205	1	2	2		2	2												
	404	Xã Gia Hiệp	THCS	Trường THCS Tam Bỏ	1	14	531	1	1	2	1	0	0	0	1	0																							
	405	Xã Gia Hiệp	THCS	Trường THCS Gia Hiệp	1	23	933	1	2	2	1	0	0	0	1	0																							
37	406	Xã Hiệp Thạnh	MN	Trường Mẫu giáo Định An	1	8	296	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Hiệp Thạnh	MN	2	15	532	1	2	2		2	0												
	407	Xã Hiệp Thạnh	MN	Trường MG Hiệp Thạnh	1	7	236	1	1	1	1	0	0	0	0	0																							
	408	Xã Hiệp Thạnh	MN	Trường MN Hoàng Anh	1	11	403	1	2	2	1	0	1	0	0																								
	409	Xã Hiệp Thạnh	MN	Trường Mầm non Liên Hiệp	2	9	351	1	1	2	1	0	0	0	1	0																							
	410	Xã Hiệp Thạnh	TH	Trường Tiểu học K'Long	1	11	431	1	0	1	1	0	0	0	0	0																							
	411	Xã Hiệp Thạnh	TH	Trường Tiểu học Quảng Hiệp	1	25	1.124	1	1	1	1	0	0	0	0	0																							
	412	Xã Hiệp Thạnh	TH	Trường Tiểu học Phú Thạnh	2	26	1.048	1	1	2	1	0	0	0	1	0																							
	413	Xã Hiệp Thạnh	THCS	Trường THCS Hiệp Thạnh	1	24	1.082	1	1	2	1	0	0	0	1	0																							
	414	Xã Hiệp Thạnh	THCS	Trường THCS Quảng Hiệp	1	16	776	1	1	1	1	0	0	0	0	0																							
	415	Xã Hiệp Thạnh	TH	Trường Tiểu học An Hiệp	3	30	1.083	1	2	1	1	0	0	0	0	0																							
	416	Xã Hiệp Thạnh	THCS	Trường THCS An Hiệp	1	17	716	1	1	2	1	0	0	0	1	0																							
	417	Xã Hiệp Thạnh	TH	Trường Tiểu học Định An	1	15	560	1	0	1	0	1	0	0	0	0																							
	418	Xã Hiệp Thạnh	THCS	Trường THCS Hiệp An	1	16	644	0	2	2	1	0	0	0	1	0																							
	38	419	Xã Hòa Bắc	THCS	Trường THCS Hòa Bắc	1	15	554	1	1	2	1	0	0	0	1												0	Trường TH-THCS Hòa Bắc	TH&THCS	3	38	1.263	1	2	2	1	1	2
		420	Xã Hòa Bắc	TH	Trường TH Hòa Bắc	2	23	709	1	2	2	1	0	0	0	0												1											
421		Xã Hòa Bắc	THCS	Trường THCS Hòa Nam	1	16	585	1	1	2	0	1	0	0	1	0																							
422		Xã Hòa Bắc	TH	Trường TH Hòa Nam	2	24	730	1	2	2	1	0	0	0	0	1																							
423		Xã Hòa Bắc	MN	Trường MN Hòa Bắc	2	9	295	1	2	2	1	0	0	0	0	1																							
424		Xã Hòa Bắc	MN	Trường MG Hòa Nam	3	10	292	1	2	2	1	0	0	0	0	1																							
39	425	Xã Hòa Ninh	THCS	Trường THCS Đình Trang Hòa I	1	23	933	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Đình Trang Hòa I	THCS	1	23	933	1	2	2															
	426	Xã Hòa Ninh	TH	Trường Tiểu học Hòa Ninh II	1	20	677	1	2	2	1	0	0	0	1	0																							
	427	Xã Hòa Ninh	TH&THCS	Trường TH - THCS Đình Trang Hòa II	2	18	555	1	1	2	1	0	0	0	1	0																							
	428	Xã Hòa Ninh	MN	Trường Mầm non Hòa Ninh	2	10	298	1	2	2	1	0	0	0	0	1																							
	429	Xã Hòa Ninh	MN	Trường Mầm non Hòa Trung	1	6	143	1	2	2	1	0	0	0	0	1																							
	430	Xã Hòa Ninh	MN	Trường Mầm non Đình Trang Hòa	2	11	391	1	3	1	1																												
	431	Xã Hòa Ninh	MN	Trường Mầm non Đình Trang Hòa II	1	6	162	0	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mầm non Đình Trang Hòa	MN	3	17	553	1	2	2	1	2	0												

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trị, sắp xếp học c giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trường	Phó Hiệu trường	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ									Văn thư				
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trường	Phó Hiệu trường	Chuyên lâm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyên n lâm giáo viên	Giải quyết nghĩ theo chế độ		
40	432	Xã Hòa Ninh	TH	Trường Tiểu học Hòa Ninh I	1	10	303	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Hòa Ninh	TH	2	20	589	1	2	1		1	0
	433	Xã Hòa Ninh	TH	Trường Tiểu học Hòa Trung	1	10	286	1	1	0							Trường Tiểu học Hòa Ninh	TH	2	20	589	1	2	1		1	0
	434	Xã Hòa Ninh	TH	Trường Tiểu học Đình Trang Hòa III	1	10	270	1	0	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Đình Trang Hòa I	TH	2	37	1.068	1	2	2		1	1
	435	Xã Hòa Ninh	TH	Tiểu Học Đình Trang Hòa I	1	27	798	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường Tiểu học Đình Trang Hòa I	TH	2	37	1.068	1	2	2		1	1
	436	Xã Hòa Ninh	THCS	Trường THCS Hòa Ninh	1	18	688	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Trường THCS Hòa Ninh	THCS	2	28	974	1	2	2		0	2
	437	Xã Hòa Ninh	THCS	Trường THCS Hòa Trung	1	10	286	0	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Hòa Ninh	THCS	2	28	974	1	2	2		0	2
40	438	Xã Ka Đô	MN	Trường Mẫu giáo Sao Sáng	1	7	227	1	2	1	1						Trường Mầm non Ka Đô	MN	3	19	607	1	2	2		3	0
	439	Xã Ka Đô	MN	Trường Mầm non Ka Đô	2	12	380	1	2	1	1						Trường Mầm non Ka Đô	MN	3	19	607	1	2	2		3	0
	440	Xã Ka Đô	THCS	Trường THCS Lạc Lâm	1	20	856	1	2	2	1			1		Trường THCS Ka Đô	THCS	2	43	1.768	1	2	2		3	2	
	441	Xã Ka Đô	THCS	Trường THCS Ka Đô	1	23	912	1	2	2	1			1		Trường THCS Ka Đô	THCS	2	43	1.768	1	2	2		3	2	
	442	Xã Ka Đô	TH	Trường Tiểu học Ka Đô	2	26	946	1	2	1	1					Trường Tiểu học Ka Đô	TH	3	39	1.384	1	2	2		2	0	
	443	Xã Ka Đô	TH	Trường Tiểu học Ka Đô 2	1	13	438	1	1	1	1					Trường Tiểu học Ka Đô	TH	3	39	1.384	1	2	2		2	0	
	444	Xã Ka Đô	TH	Trường Tiểu học Lạc Lâm	1	30	1.098	1	2	1	1					Trường Tiểu học Lạc Lâm	TH	1	30	1.098	1	2	1				
41	445	Xã Lạc Dương	MN	Mầm non Dạ Sar	2	14	487	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Lạc Dương	MN	3	25	898	1	2	2	0	3	2
	446	Xã Lạc Dương	MN	Mầm non Dạ Nhím	1	11	411	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Lạc Dương	MN	3	25	898	1	2	2	0	3	2
	447	Xã Lạc Dương	MN	Mầm non Long Lanh	2	7	218	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Giữ nguyên	MN	2	7	218	1	2	2			
	448	Xã Lạc Dương	TH	Tiểu học Dạ Sar	1	24																					

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trị, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Tổng cộng	Kế toán	Thủ quỹ		Văn thư														
							Viên chức	Hợp đồng			Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng		Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyên n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ		
46	490	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	TH	Trường Tiểu học Phúc Thọ I	3	20	542	1	2	2		1			1	Trường Tiểu học Phúc Thọ	TH	4	30	821	1	2	2	0	2	1	
	491	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	TH	Tiểu học Phúc Thọ II	1	10	279	1	1	1		1															
	492	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	THCS	Trường THCS Tân Thanh	1	13	480	1	2	2		1		1													
	493	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	THCS	Trường THCS Lê Văn Tám	1	11	420	1	1	2	1	0	0	1													
	494	Xã Phúc Thọ Lâm Hà	THCS	Trường THCS Phúc Thọ	2	15	535	1	1	2	1			1													
47	495	Xã Sơn Diên	MN	Trường Mẫu giáo Gia Bắc	3	7	216	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Trường Mẫu giáo Gia Bắc	MN	3	7	216	1	2	2			
	496	Xã Sơn Diên	MN	Trường Mẫu giáo Sơn Diên	3	6	195	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Sơn Diên	MN	3	6	195	1	1	1			
	497	Xã Sơn Diên	TH	Trường Tiểu học Sơn Diên	2	14	390	1	0	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Sơn Diên	TH	2	14	390	1	0	2			
	498	Xã Sơn Diên	TH&THCS	Trường TH và THCS Gia Bắc	2	23	673	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Trường TH và THCS Gia Bắc	TH&THCS	2	23	673	1	2	2			
	499	Xã Sơn Diên	THCS	Trường PTDTBT THCS Sơn Diên	1	8	250	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường PTDTBT THCS Sơn Diên	THCS	1	8	250	1	2	2			
48	500	Xã Tà Hine	MN	Trường MG Ninh Loan	1	6	175	1	1	0						Trường Mẫu giáo Tà Hine	MN	9	21	671	1	2	1		3	0	
	501	Xã Tà Hine	MN	Trường MG Tà Hine	4	6	200	1	1	1	1		0	0	0												0
	502	Xã Tà Hine	MN	Trường MG Đà Loan	4	9	296	1	1	0	0		0	0	0												0
	503	Xã Tà Hine	TH	Trường TH Ninh Loan	1	14	455	1	0	1	1		0	0	0												0
	504	Xã Tà Hine	TH	Trường TH Đà Loan	4	33	1.148	1	1	1	1		0	0	0												0
	505	Xã Tà Hine	TH&THCS	Trường TH&THCS Tà Hine (bậc TH)	1	13	434	1	2	0																	
	506	Xã Tà Hine	THCS	Trường THCS Ninh Loan	1	11	455	1	1	2	1		0		1												
	507			Trường TH&THCS Tà Hine (bậc THCS)	0	8	311	0	0	2		1	0		1												
	508	Xã Tà Hine	THCS	Trường THCS Đà Loan	1	19	855	1	1	2	1		0		1												
49	509	Xã Tà Năng	MN	MG Tà Năng	5	8	239	1	1	1	1					MG Tà Năng	MN	8	15	481	1	2	2		2	0	
	510	Xã Tà Năng	MN	MG Đa Quyên	3	7	242	1	2	1	1					TH&THCS Võ Thị Sáu	TH&THCS	3	31	1.008	1	2	2		1	1	
	511	Xã Tà Năng	TH	TH Chợ Ré	2	20	649	1	1	1		1															
	512	Xã Tà Năng	THCS	THCS Võ Thị Sáu	1	11	359	1	1	2	1				1												
	513	Xã Tà Năng	TH&THCS	TH & THCS Tà Năng	5	38	1.327	1	1	2	1				1	TH & THCS Tà Năng	TH&THCS	5	38	1.327	1	1	2				
	514	Xã Tân Hà Lâm Hà	MN	Mẫu giáo Tân Hà	1	14	448	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mẫu giáo Tân Hà	MN	1	14	448	1	2	2			
	515	Xã Tân Hà Lâm Hà	MN	Mẫu giáo Đan Phượng	2	9	255	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Hoài Đức	MN	5	21	592	1	2	2		3	0
	516	Xã Tân Hà Lâm Hà	MN	Mẫu giáo Hoài Đức	3	12	337	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Mẫu giáo Liên Hà	MN	3	13	368	1	2	2		3	0
	517	Xã Tân Hà Lâm Hà	MN	Mẫu giáo Liên Hà	1	7	207	1	2	1	1	0	0	0	0	0											
	518	Xã Tân Hà Lâm Hà	MN	Mầm non Sơn Ca	2	6	161	1	2	1	1	0	0	0	0	0											

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập			
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ													Văn thư
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
50	519	Xã Tân Hà Lâm Hà	TH	Tiểu học Tân Hà I	1	19	606	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Tân Hà	TH	2	38	1.248	1	2	2		2	2
	520	Xã Tân Hà Lâm Hà	TH	Tiểu học Tân Hà II	1	19	642	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	521	Xã Tân Hà Lâm Hà	TH	Tiểu học Đan Phượng I	1	9	251	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
	522	Xã Tân Hà Lâm Hà	TH	Tiểu học Đan Phượng II	2	12	264	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
	523	Xã Tân Hà Lâm Hà	TH	Tiểu học Lán Tranh I	2	15	401	1	1	2	1	0	0	0	0	1											
	524	Xã Tân Hà Lâm Hà	TH	Tiểu học Lán Tranh II	2	15	394	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	525	Xã Tân Hà Lâm Hà	TH	Tiểu học Hoài Đức	2	22	716	1	2	2	0	1	0	0	0	1											
	526	Xã Tân Hà Lâm Hà	THCS	THCS Tân Hà	1	24	1.060	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
	527	Xã Tân Hà Lâm Hà	THCS	THCS Đan Phượng	1	10	347	1	1	2	1	0	0	0	0	1											
	528	Xã Tân Hà Lâm Hà	THCS	THCS Hoài Đức	2	15	559	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
529	Xã Tân Hà Lâm Hà	THCS	THCS Liên Hà	1	15	564	1	1	2	1	0	0	0	0	1	0											
51	530	Xã Tân Hội	MN	Trường MG Tân Thành	1	4	125	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường MG Tân Hội	MN	2	17	498	1	2	3		2	1
	532	Xã Tân Hội	MN	Trường MG Tân Hội	1	13	373	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
	531	Xã Tân Hội	MN	Trường MG N'Thôn Hạ	2	10	360	1	1	2	0	1	1	0	0	0											
	533	Xã Tân Hội	TH	Trường TH Tân Hội	2	22	846	1	0	2	1	0	0	0	1	0											
	534	Xã Tân Hội	TH	Trường TH Tân Đà	1	9	305	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
	536	Xã Tân Hội	TH	Trường TH Tân Nghĩa	1	12	388	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
	535	Xã Tân Hội	TH	Trường TH N'Thôn Hạ	1	25	977	1	2	2	0	1	0	0	1	0											
	537	Xã Tân Hội	THCS	Trường THCS N'Thôn Hạ	1	16	670	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	538	Xã Tân Hội	THCS	Trường THCS Tân Thành	1	12	481	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
	539	Xã Tân Hội	THCS	Trường THCS Tân Hội	1	19	874	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
52	540	Phường Bắc Gia Nghĩa	MN	Trường Mầm non Hoa Mai	2	12	348	1	2	2	1				1	Trường MN Hoa Mai	MN	4	19	560	1	2	2		3	1	
	541	Phường Bắc Gia Nghĩa	MN	Trường Mầm non Ánh Dương	2	7	212	1	2	1	1																
	542	Phường Bắc Gia Nghĩa	MN	Trường Mầm non Hoa Bưởi	1	10	240	1	2	1	1																
	543	Phường Bắc Gia Nghĩa	MN	Trường Mầm non Hoa Hồng	1	7	151	0	1	1	1																
	544	Phường Bắc Gia Nghĩa	MN	Trường Mầm non Sơn Ca	1	8	157	1	2	2	1			1													
	545	Phường Bắc Gia Nghĩa	MN	Trường Mầm non Hoa Sen	1	7	154	1	2	1	1																
	546	Phường Bắc Gia Nghĩa	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	2	29	875	1	2	1	1																
547	Phường Bắc Gia Nghĩa	THCS	Trường THCS Chu Văn An	1	15	624	1	1	2	1			1														

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trị, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Tổng cộng	Viên chức	Hợp đồng	Thủ quỹ	Viên chức	Hợp đồng												Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sắp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập											
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Tổng cộng	Viên chức	Hợp đồng	Thủ quỹ	Viên chức	Hợp đồng												Văn thư	Viên chức	Hợp đồng						
55	577	Xã Cư Jút	MN	Trường Mầm non Ea Tling	1	10	248	1	2	1	1	0	0	0	0	0																		
	578	Xã Cư Jút	MN	Trường Mẫu giáo Tâm Thắng	2	10	268	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mẫu giáo Tâm Thắng	MN		2	10	268	1	2	2									
	579	Xã Cư Jút	MN	Trường Mẫu giáo Cư Knia	2	11	346	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Cư Knia	MN		2	11	346	1	2	1									
	580	Xã Cư Jút	TH	Trường Tiểu học Hà Huy Tập	1	12	362	1	1	1	1	0	0	0	0	0																		
	581	Xã Cư Jút	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	2	24	837	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	TH		5	58	1.755	1	2	2					4		4		
	582	Xã Cư Jút	TH	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	1	12	340	1	0	1	1	0	0	0	0	0																		
	583	Xã Cư Jút	TH	Trường Tiểu học Y Jút	1	10	216	1	1	2	1	0	0	0	1	0																		
	584	Xã Cư Jút	TH	Trường Tiểu học Kim Đồng	1	26	1.010	1	2	2	1	0	0	0	1	0																		
	585	Xã Cư Jút	TH	Trường Tiểu học Trần Phú	1	20	647	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Kim Đồng	TH		3	56	1.878	1	2	2					3		2		
	586			Cấp Tiểu học của Trường Tiểu học và THCS Trúc Sơn	1	10	221	0	0	0	0	0	0	0	0	0																		
	587	Xã Cư Jút	TH	Trường Tiểu học Hùng Vương	1	17	530	1	1	2	1	0	0	0	1	0																		
	588	Xã Cư Jút	TH	Trường Tiểu học Chu Văn An	2	19	559	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trãi	TH&THCS		4	51	1.755	1	3	2					2		4		
	589	Xã Cư Jút	THCS	Trường THCS Nguyễn Trãi	1	15	666	1	1	2	1	0	0	0	1	0																		
	590	Xã Cư Jút	THCS	Trường THCS Phạm Văn Đồng	1	31	1.345	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Ghép THPT																	
591	Xã Cư Jút	TH&THCS	Cấp THCS của Trường Tiểu học và THCS Trúc Sơn	1	6	188	1	1	2	1	0	0	0	1	0																			
592	Xã Cư Jút	THCS	Trường THCS Phan Đình Phùng	1	27	1.143	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Tên chưa xác định	TH&THCS		2	33	1.331	1	2	2					2		2			
56	593	Xã Đắk Mil	MN	Trường MG Hoa Pơ Lang	1	9	228	1	2	1	1																							
	594			Trường MG Hoa Sen (điểm lẻ)	1	4	120	0	0	0							Trường MG Hoa Pơ Lang	MN		2	16	443	1	2	1					0		0		
	595			Trường PTCS Nguyễn Khuyến (cấp mn)	0	3	95	0	0	0																								
	596	Xã Đắk Mil	MN	Trường MG Hoa Sen (điểm chính)	1	6	187	1	1	1	1						Trường MG Hoa Sen	MN		4	19	516	1	2	2					2		1		
	597	Xã Đắk Mil	MN	Trường MG Măng Non	3	13	329	1	2	2	1				1																			
	598	Xã Đắk Mil	TH	Trường TH Hoàng Hoa Thám	1	15	494	1	2	2	1				1		Trường TH Hoàng Hoa Thám	TH		3	26	796	1	2	2					3		1		
	599	Xã Đắk Mil	TH	Trường TH Phan Đình Phùng	2	11	302	1	2	1	1						Trường TH Bì Năng Tắc	TH		1	21	612	1	2	1									
	600	Xã Đắk Mil	TH	Trường TH Bì Năng Tắc	1	21	612	1	2	1	1						Trường TH Võ Thị Sáu	TH		3	35	1.045	1	2	2					2		1		
	601	Xã Đắk Mil	TH	Trường TH Võ Thị Sáu	2	20	591	1	2	2		1			1		Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	TH																
	602	Xã Đắk Mil	TH	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	1	15	454	1	1	1		1					Ghép vào trường THPT Quang Trung																	
	603	Xã Đắk Mil	THCS	THCS Hoàng Diệu	1	19	770	1	0	2	1	0	0	0	1																			
	604	Xã Đắk Mil	THCS	Trường THCS Lê Lợi	1	14	554	1	1	1	1																							
	605	Xã Đắk Mil	THCS	Trường THCS Hoàng Văn Thụ	1	14	485	1	1	1	1																							

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập			
			Tên trường	Số điểm trường <i>(bao gồm điểm chính và điểm lẻ)</i>	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ												Văn thư
												Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng									
														Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường <i>(bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)</i>	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng			Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giai quyết nghi theo chế độ	
	606	Xã Đắk Mil	THCS	Trường PTCS Nguyễn Khuyến	1	16	553	1	1	2	1			1	Trường PTCS Nguyễn Khuyến (Cấp TH+THCS)	TH&THCS	1	16	553	1	1	2				
57	607	Xã Đắk Sắk	THCS	Trường THCS Phan Chu Trinh	1	16	642	1	2	1			1		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Đức Cảnh	TH&THCS	2	36	1.230	1	2	2		3	1	
	608	Xã Đắk Sắk	TH	Trường TH Nguyễn Đức Cảnh	1	20	588	1	2	2	1				1											
	609	Xã Đắk Sắk	TH&THCS	Trường TH-THCS Kim Đồng	1	9	231	1	1	1		1			Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kim Đồng	TH&THCS	3	22	571	1	2	2		1	0	
	610	Xã Đắk Sắk	TH	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	2	13	340	1	1	1	1															
	611	Xã Đắk Sắk	THCS	Trường THCS Lý Tự Trọng	1	12	494	1	1	1	1				Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lê Lợi	TH&THCS	2	25	867	1	2	2		1	0	
	612	Xã Đắk Sắk	TH	Truong TH Lê Lợi	1	13	373	1	1	1	1															
	613	Xã Đắk Sắk	THCS	Trường THCS Lê Hồng Phong	1	22	962	1	2	2	1			1	Sáp nhập với trường THPT Nguyễn Du - Đắk Sắk											
	614	Xã Đắk Sắk	TH	Trường TH Nguyễn Văn Bé	1	20	732	1	2	2			1		1	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Bé	TH	3	39	1.240	1	2	2		3	2
	615	Xã Đắk Sắk	TH	Trường TH Lê Hữu Trác	2	19	508	1	2	2		1			1											
	616	Xã Đắk Sắk	MN	Trường MN Vàng Anh	3	13	300	1	2	1	1					Trường MN Vàng Anh	MN	3	13	300	1	2	1			
617	Xã Đắk Sắk	MN	Trường MG Bình Minh	4	13	327	1	2	1					1	Trường MG Bình Minh	MN	4	13	327	1	2	1				
58	618	Xã Đắk Song	THCS	Trường THCS Nguyễn Trãi	1	17	708	1	2	1	1		0	0	Trường THCS Nguyễn Trãi	THCS	1	17	708	1	2	1				
	619	Xã Đắk Song	TH	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	2	20	611	1	0	1	1		0	0	Trường Tiểu học Ngô Gia Tự	TH	4	38	1.116	1	2	1		0	0	
	620	Xã Đắk Song	TH	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	2	18	505	1	1	0	0		0	0												
	621	Xã Đắk Song	MN	Trường mầm non Hòa My	4	12	271	1	1	0	0		0	0	Trường Mầm Non Hoa Pơ Lang	MN	5	18	445	1	2	0		2	0	
	622	Xã Đắk Song	MN	Trường mầm non Vành Khuyên	1	6	174	1	2	0	0		0	0												
59	623	Xã Đắk Wil	MN	Trường Mẫu giáo Đắk Wil	5	13	351	1	2	0	0		0	0	Trường Mầm non Đắk Wil	MN	7	20	517	1	2	0		3	0	
	624	Xã Đắk Wil	MN	Trường Mầm non Ea Pô	2	7	166	1	2	0	0		0	0												
	625	Xã Đắk Wil	TH	Tiểu học Nguyễn Huệ	2	19	512	1	2	1	1		0	0	Tiểu học Nguyễn Huệ	TH	3	31	864	1	2	2		2	0	
	626	Xã Đắk Wil	TH	Tiểu học Lê Lợi	1	12	352	1	1	1	1		0	0												
	627	Xã Đắk Wil	TH	Tiểu học Nguyễn Du	2	21	598	1	2	2	1		0	1	Tiểu học Nguyễn Du	TH	4	35	919	1	2	2		2	1	
	628	Xã Đắk Wil	TH	Tiểu học Lê Quý Đôn																						

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ									Văn thư		Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
60	635	Xã Đức An	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	2	22	780	1	2	1	1				Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	TH	4	38	1.292	1	2	2	0	3	0		
	636	Xã Đức An	TH	Trường Tiểu học Tô Hiệu	2	16	512	1	2	1	1																
	637	Xã Đức An	TH	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	1	15	470	1	1	1	1				Trường Tiểu học Lê Văn Tám	TH	2	35	1.109	1	2	2	0	1	1		
	638	Xã Đức An	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	1	20	639	1	1	2	1			1													
	639	Xã Đức An	MN	Trường Mầm non Hướng Dương	2	12	308	1	2	1	1				Trường Mầm non Hướng Dương	MN	2	12	308	1	2	1	0	0	0		
	640	Xã Đức An	THCS	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	1	22	954	1	2	3	1			2	Ghép vào THPT Đắk Song												
	641	Xã Đức An	THCS	Trường THCS Trần Phú	1	22	953	1	2	1	1				Trường THCS Trần Phú	THCS	1	22	953	1	2	1	0	0	0		
	642	Xã Đức An	THCS	Trường THCS Lý Thường Kiệt	1	20	888	1	2	2	1			1													
61	643	Xã Đức Lập	MN	Mẫu giáo Mầm Non	4	12	293	1	2	2	1			1	Mẫu giáo Mầm Non	MN	4	12	293	1	2	2					
	644	Xã Đức Lập	MN	Mầm non Hoa Hồng	2	12	362	1	2	1		1			Mầm non Hoa Hồng	MN	2	12	362	1	2	1					
	645	Xã Đức Lập	MN	Mẫu giáo Sơn Ca	3	9	211	1	2	2	1			1	Mẫu giáo Sơn Ca	MN	4	17	391	1	2	2		3	2		
	646	Xã Đức Lập	MN	Mầm non Hướng Dương	1	8	180	1	2	2	1			1													
	647	Xã Đức Lập	TH	Trường TH Phan Bội Châu	1	15	403	1	2	0					Trường TH Trần Văn Ôn	TH	4	36	1.015	1	2	2		3	0		
	648	Xã Đức Lập	TH	Trường TH Trần Văn Ôn	3	21	612	1	2	2	1			1													
	649	Xã Đức Lập	TH	Trường TH Bùi Thị Xuân	2	20	582	0	2	2	1		1		Trường TH Lý Tự Trọng	TH	3	44	1.332	1	2	2		2	2		
	650	Xã Đức Lập	TH	Trường TH Lý Tự Trọng	1	24	750	1	2	2	1			1													
	651	Xã Đức Lập	TH	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu	2	16	488	1	2	2	1			1	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	TH	3	41	1.407	1	2	2		3	2		
	652	Xã Đức Lập	TH	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	1	25	919	1	2	2	1			1													
	653	Xã Đức Lập	THCS	Trường THCS Chu Văn An	1	22	925	1	2	2	1			1	Trường THCS Chu Văn An	THCS	1	22	925	1	2	2			1		
	654	Xã Đức Lập	THCS	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	1	20	983	1	2	2	1			1	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	THCS	2	39	1.757	1	2	2		3	2		
	655	Xã Đức Lập	THCS	Trường THCS Lê Quý Đôn	1	19	774	1	2	2	1			1													
62	656	Xã Kiến Đức	THCS	THCS Nguyễn Du	1	31	1.318	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
	657	Xã Kiến Đức	THCS	THCS Trần Quang Khải	1	11	421	1	1	2	1	0	0	0	1	0	THCS Trần Quang Khải	THCS	1	11	421	1	1	0			
	658	Xã Kiến Đức	TH	TH Đoàn Thị Điểm	2	20	562	1	2	2	1	0	0	0	1	0	TH Đoàn Thị Điểm	TH	2	20	562	1	2	2			
	659	Xã Kiến Đức	TH	TH Đinh Tiên Hoàng	1	19	671	1	1	2	1	0	0	0	1	0	TH Đinh Tiên Hoàng	TH	1	19	671	1	1	2			
	660	Xã Kiến Đức	TH	TH Lê Văn Tám	2	19	588	1	2	1	1	0	0	0	0	0	TH Lê Văn Tám	TH	2	19	588	1	2	1			
	661	Xã Kiến Đức	MN	MN Hoa Hồng	2	14	370	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Hoa Hồng	MN	5	25	618	1	2	2	1	2	1
	662	Xã Kiến Đức	MN	MN Hoa Huệ	3	11	248	1	2	1	1	0	0	0	0	0											
	663	Xã Kiến Đức	MN	MN Lê Thị Hồng Gấm	3	9	252	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Hoa Dương	MN	4	14	373	1	2	2	0	1	0

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sắp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Tổng cộng	Viên chức	Kế toán		Thủ quỹ													Văn thư	
							Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng			Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh		Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ
	664	Xã Kiến Đức	MN	MN Hoa Phượng	1	5	121	1	1	0	0	0	0	0	0	0	Trường mầm non Hòa Thượng	MN	4	14	579	1	2	2	2	1	0
	665	Xã Kiến Đức	TH	TH Bùi Thị Xuân	1	22	791	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Tiểu học Bùi Thị Xuân	TH	4	37	1.101	1	2	2	1	1	2
	666	Xã Kiến Đức	TH	TH Võ Thị Sáu	3	15	310	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Ghép vào trường THPT Nguyễn Tất Thành										
	667	Xã Kiến Đức	THCS	THCS Trần Quốc Toàn	1	21	816	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học và THCS Võ Văn Kiệt	TH&THCS	3	33	962	1	2	2	3	4	
	668	Xã Kiến Đức	TH	TH Nguyễn Bá Ngọc	1	15	426	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	669	Xã Kiến Đức	THCS	THCS Võ Văn Kiệt	1	8	248	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
670	Xã Kiến Đức	TH	TH Huỳnh Thúc Kháng	1	10	288	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
63	671	Xã Krông Nô	MN	Trường Mầm non Sao Mai	2	15	327	1	3	1	1						Trường Mầm non Sao Mai	MN	2	15	327	1	3	1			
	672	Xã Krông Nô	MN	Trường mầm non Họa Mi	2	18	481	1	2	1	1						Trường mầm non Anh Đào	MN	4	31	941	1	2	2		2	0
	673	Xã Krông Nô	MN	Trường mầm non Anh Đào	2	13	460	1	1	1	1																
	674	Xã Krông Nô	TH	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	2	25	436	1	2	2	1			1			Trường tiểu học & THCS Trần Quốc Toàn	TH&THCS	3	33	780	1	2	2		2	2
	675	Xã Krông Nô	THCS	Trường THCS Tân Thành	1	8	344	1	1	2	1			1													
	676	Xã Krông Nô	TH	Trường tiểu học Trần Văn Ôn	1	10	218	1	1	1	1																
	677	Xã Krông Nô	TH	Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	2	26	490	1	2	2	1			1			Trường tiểu học & THCS Nguyễn Thị Minh Khai	TH&THCS	4	50	1.260	1	2	2		5	3
	678	Xã Krông Nô	THCS	Trường THCS Đắk Drô	1	14	552	1	2	2	1			1													
	679	Xã Krông Nô	TH	Trường tiểu học Trần Phú	1	10	282	1	1	1	1						Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	TH	2	30	997	1	2	2		1	0
	680	Xã Krông Nô	TH	Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	1	20	715	1	1	2	1			1													
	681	Xã Krông Nô	THCS	Trường THCS Đắk Mâm	1	20	782	1	2	2	1				1		Ghép vào trường THPT Krông Nô										
64	682	Xã Nam Đà	TH	Trường TH Lê Hồng Phong	2	14	369	1	1	1	0	1	0	0	0	0	Trường TH Lê Hồng Phong	TH	2	14	369	1	1	1			
	683	Xã Nam Đà	THCS	Trường THCS Đắk Sôr	1	8	245	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Ghép vào trường THPT Trần Phú - Nam Đà										
	684	Xã Nam Đà	TH	Trường TH Phan Chu Trinh	1	20	647	0	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường TH Phan Chu Trinh	TH	2	33	973	1	2	2		1	1
	685	Xã Nam Đà	TH	Trường TH Hoàng Diệu	1	13	326	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	686	Xã Nam Đà	MN	Trường MN Chối Non	1	6	120	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường MN Hoa Mai	MN	3	15	324	1	2	2		3	0
	687	Xã Nam Đà	MN	Trường MN Hoa Mai	2	9	204	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường MN Sơn Ca	MN	2	15	441	1	2	1			
	688	Xã Nam Đà	MN	Trường MN Sơn Ca	2	15	441	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường THCS Nam Đà	THCS	1	20	790	1	1	2			
	689	Xã Nam Đà	THCS	Trường THCS Nam Đà	1	20	790	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH&THCS Nguyễn Viết Xuân	TH&THCS	1	12	372	1	2	2			
	690	Xã Nam Đà	TH&THCS	Trường TH&THCS Nguyễn Viết Xuân	1	12	372	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
65	691	Xã Nam Dong	MN	Trường Mẫu giáo Nam Dong	2	9	210	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Mầm non Nam Dong	MN	6	15	329	1	2	2		3	1
	692	Xã Nam Dong	MN	Trường Mầm non Hoa Sim	4	6	119	1	2	1	1	0	0	0	0	0											

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập												
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư																					
							Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng		Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng		Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ									
	693	Xã Nam Dong	MN	Trường Mầm non Đăk D'rông	1	8	190	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	694	Xã Nam Dong	MN	Trường Mẫu giáo Hoa Hướng Dương	3	9	275	1	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	695	Xã Nam Dong	THCS	THCS Nguyễn Tất Thành	2	27	1.205	1	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	696	Xã Nam Dong	TH	Tiểu học Lương Thế Vinh	1	16	472	1	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	697	Xã Nam Dong	TH	Tiểu học Lê Hồng Phong	1	22	680	1	1	2	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	700	Xã Nam Dong	TH	Tiểu học Ngô Quyền (Điểm trường chính)	1	8	212	1	1	2	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	698			Tiểu học Ngô Quyền (điểm trường lẻ)	1	5	97	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	699	Xã Nam Dong	THCS	THCS Hoàng Văn Thụ	1	15	645	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	702	Xã Nam Dong	THCS	THCS Nguyễn Công Trứ	1	12	490	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	701	Xã Nam Dong	TH	Tiểu học Trần Quốc Toản	1	16	515	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	703	Xã Nam Dong	TH	Tiểu học Tô Hiệu	1	19	540	1	2	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	704	Xã Nam Dong	TH	Tiểu học Vũ A Đình	2	20	606	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
66	705	Xã Năm Nung	MN	Trường Mầm non Hoa Ban	3	16	546	1	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	706	Xã Năm Nung	MN	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	2	13	413	1	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	707	Xã Năm Nung	TH	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	2	31	963	1	2	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	708	Xã Năm Nung	TH	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	2	12	335	1	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	709	Xã Năm Nung	TH	Trường Tiểu học Kim Đồng	2	28	845	1	2	2	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	710	Xã Năm Nung	THCS	Trường THCS Năm Nung	1	16	708	1	1	2	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	711	Xã Năm Nung	THCS	Trường THCS Năm N'Đir	1	19	793	1	2	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
67	712	Xã Nhân Cơ	MN	Trường MN Hoa Cúc	2	7	179	1	2	1	1		0		0		0		0		0		0		0		0		0		0		0		
	713	Xã Nhân Cơ	MN	Trường MN Hoa Mai	4	12	246	1	1	1	1		0		0		0		0		0		0		0		0		0		0		0		
	714	Xã Nhân Cơ	MN	Trường MN Hoa Hướng Dương	4	12	250	1	2	1	1		0		0		0		0		0		0		0		0		0		0		0		
	715	Xã Nhân Cơ	TH	Trường TH Lê Đình Chinh	1	25	975	1	2	2	1		0		1		0		0		0		0		0		0		0		0		0		
	716	Xã Nhân Cơ	TH	Trường TH Phan Đình Phùng	3	25	829	1	2	2	1		0		1		0		0		0		0		0		0		0		0		0		
	717	Xã Nhân Cơ	TH	Trường TH Nguyễn Thái Học	3	19	438	0	2	2	1		0		1		0		0		0		0		0		0		0		0		0		
	718	Xã Nhân Cơ	TH	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	1	16	498	1	1	2	1		0		1		0		0		0		0		0		0		0		0		0		
	719	Xã Nhân Cơ	THCS	Trường THCS Nguyễn Công Trứ	1	19	777	1	1	2	1		0		1		0		0		0		0		0		0		0		0		0		
	720	Xã Nhân Cơ	THCS	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	1	15	595	1	1	2	1		0		1		0		0		0		0		0		0		0		0		0		
	721	Xã Nhân Cơ	THCS	Trường THCS Nguyễn Khuyến	1	8	297	1	1	2	1		0		1		0		0		0		0		0		0		0		0		0		

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp nhập sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập						
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ												Văn thư			
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng														
	722	Xã Nhân Cơ	THCS	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	11	363	1	1	1	1		0			Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	THCS		2	19	666	1	2	2			1	1	
68	723	Xã Quảng Hòa	MN	Trường Mẫu Giáo Quảng Hòa	3	16	477	1	2	1	1	0	0	0	0	Trường Mẫu Giáo Quảng Hòa	MN		3	16	477	1	2	1					
	724	Xã Quảng Hòa	TH	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn	1	15	466	1	1	0	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Quảng hòa	TH		2	36	1.128	1	2	2	0	2	0		
	725	Xã Quảng Hòa	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Bá ngọc	1	21	662	1	2	2	1	0	0	0	0													1	
69	726	Xã Quảng Khê	MN	Trường Mầm non Hoa Hồng	1	12	375	1	2	1	1	0	0	0	0	Chưa đặt tên	MN		3	26	809	1	2	2		6	0		
	727	Xã Quảng Khê	MN	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	1	6	189	1	2	1	1	0	0	0	0													0	
	730	Xã Quảng Khê	MN	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	1	8	245	1	2	0																			
	728	Xã Quảng Khê	TH	Trường Tiểu học Kim Đồng	1	38	1.428	1	2	1	1	0	0	0	0	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ng	TH&THCS		1	38	1.428	1	2	1					
	729	Xã Quảng Khê	THCS	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du	1	23	976	1	2	2	1	0	0	0	0	1													
	731	Xã Quảng Khê	TH&THCS	Trường TH&THCS Đắk Plao	1	27	1.011	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường TH&THCS Đắk Plao	TH&THCS		1	27	1.011	1	2	2				
70	732	Xã Quảng Phú	MN	MN Hoàng Anh	3	12	359	1	2	1	1	0	0	0	0	MN Hoàng Anh	MN		3	12	359	1	2	1					
	733	Xã Quảng Phú	MN	MN Hoa Hồng	2	7	172	1	1	1	1	0	0	0	0	MN Hồng Hà	MN		3	15	402	1	2	2		2	0		
	734	Xã Quảng Phú	MN	MN Hồng Hà	1	8	230	1	2	1	0	1	0	0	0														
	735	Xã Quảng Phú	TH	TH Bế Văn Đàn	2	14	366	1	1	1	1	0	0	0	0	TH Nguyễn Văn Trỗi	TH		4	33	894	1	2	2		2	0		
	736	Xã Quảng Phú	TH	TH Nguyễn Văn Trỗi	2	19	528	1	2	1	0	1	0	0	0														
	737	Xã Quảng Phú	TH	TH Võ Thị Sáu	1	18	565	1	1	2	1	0	0	0	1	TH Nguyễn Văn Bé	TH		2	30	988	1	2	2		1	1		
	738	Xã Quảng Phú	TH	TH Nguyễn Văn Bé	1	12	423	1	1	1	0	1	0	0	0														
	739	Xã Quảng Phú	THCS	THCS Đắk Nang	1	16	680	1	1	1	1	0	0	0	0	THCS Đắk Nang	THCS		1	16	680	1	1	1					
	740	Xã Quảng Phú	THCS	THCS Quảng Phú	1	16	684	1	1	1	1	1	0	0	0	0													
71	741	Xã Quảng Sơn	MN	Trường Mầm non Hòa Mĩ	3	17	466	1	2	1	1					Trường Mầm non Quảng Sơn	MN		4	31	882	1	2	2	1	2	0		
	742	Xã Quảng Sơn	MN	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	1	14	416	1	2	1	1																		
	743	Xã Quảng Sơn	MN	Trường Mẫu giáo Hoa Pơ Lang	2	9	243	1	2	1	1				Trường Mẫu giáo Hoa Pơ Lang	MN		2	9	243	1	2	1						
	7																												

7A

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sáp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng		Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ	
										Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
74	780	Xã Quảng Trục	TH	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh	1	9	215	1	1	1	1	0	0	0	0	Trường liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở Bu P'Răng	TH&THCS	5	51	1.779	1	3	2		2	1	
	781	Xã Quảng Trục	THCS	Trường THCS Pu Prăng	1	16	661	1	0	0	0	0	0	0	0												
	782	Xã Quảng Trục	TH&THCS	Trường PTNT liên cấp TH và THCS Quảng Trục	1	30	900	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường PTNT liên cấp TH và THCS Quảng Trục	TH&THCS	1	30	900	1	2	2			
75	783	Xã Tà Đùng	TH	TH Nguyễn Văn Trỗi	1	21	640	1	2	2	1		0		1		TH và THCS Nguyễn Văn Trỗi	TH&THCS	2	31	1.032	1	2	2		2	1
	784	Xã Tà Đùng	THCS	THCS Phan Chu Trinh	1	10	392	1	1	1	1		0		0												
	785	Xã Tà Đùng	TH	TH Lê Lợi	1	14	415	1	1	0	0		0		0		TH Lê Lợi	TH	4	51	1.701	1	2	1		1	0
	786	Xã Tà Đùng	TH	TH La Văn Cầu	3	37	1.286	1	1	1	1		0		0												
	787	Xã Tà Đùng	MN	MG Hoa Cúc	1	7	198	1	2	1	1		0		0		MG Hoa Cúc	MN	4	24	668	1	2	1		2	0
	788	Xã Tà Đùng	MN	MG Hoa Lan	3	17	470	1	1	0	0		0		0												
	789	Xã Tà Đùng	MN	MG Hướng Dương	1	7	215	1	2	1	1		0		0		MG Hướng Dương	MN	5	28	845	1	2	2		3	0
	790	Xã Tà Đùng	MN	MG Hoa Đào	4	21	630	1	2	1	1		0		0												
	791	Xã Tà Đùng	TH	PTDTBT TH Vừ A Dính	1	42	1.422	1	2	2	1		0		1		PTDTBT TH Vừ A Dính	TH	1	42	1.422	1	2	2			
	792	Xã Tà Đùng	THCS	PTDTBT THCS Đắk R' Măng	1	15	628	1	2	1	1		0		0		PTDTBT THCS Đắk R' Măng	THCS	1	15	628	1	2	1			
	793	Xã Tà Đùng	THCS	THCS Đắk Nang	1	24	871	1	2	0	0		0		0		THCS Đắk Nang	THCS	1	24	871	1	2	0			
76	794	Xã Thuận An	MN	Trường Mẫu giáo Hòa Bình	3	16	465	1	2	2	1	0	1	0	0	0	Trường Mẫu giáo Hòa Bình	MN	6	24	675	1	2	2		3	1
	795	Xã Thuận An	MN	Trường Mẫu giáo Hoa Mai	3	8	210	1	2	1	1	0	0	0	0	0											
	796	Xã Thuận An	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	1	15	941	1	2	2	1	0	1	0	0	0											
	797	Xã Thuận An	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	1	11	380	1	1	2	1	0	1	0	0	0	Trường Tiểu học Trần Phú	TH	3	48	1.799	1	2	2		5	4
	798	Xã Thuận An	TH	Tiểu học Trần Phú	1	22	478	1	2	2	1	0	1	0	0	0											
	799	Xã Thuận An	THCS	THCS Nguyễn Chí Thanh	2	21	928	1	2	2	1	0	1	0	0	0	Trường THCS Nguyễn Huệ	THCS	3	33	1.474	1	2	2		2	2
	800	Xã Thuận An	THCS	THCS Nguyễn Huệ	1	12	546	0	2	2	1	0	1	0	0	0											
	801	Xã Thuận An	TH&THCS	Phổ thông nội trú Tiểu học và THCS Thuận An	1	30	870	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Phổ thông nội trú Tiểu học và THCS Thuận An	TH&THCS	1	30	870	1	2	1			
77	802	Xã Thuận Hạnh	MN	Trường MN Hoa Ban	5	12	300	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường MN Ban Mai	MN	10	25	650	1	2	2		3	1
	803	Xã Thuận Hạnh	MN	Trường MN Hoa Mai	5	13	350	1	2	2	1	0	1	0	0	0											
	804	Xã Thuận Hạnh	TH	Trường TH Kim Đồng	2	22	665	1	2	0						Trường TH Kim Đồng	TH	4	42	1.216	1	2	1		3	0	
	805	Xã Thuận Hạnh	TH	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	2	20	551	1	2	1	1	0	0	0	0	0											
	806	Xã Thuận Hạnh	THCS	Trường THCS Nguyễn Du	1	21	936	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
	807	Xã Thuận Hạnh	TH&THCS	Trường TH&THCS Bé Văn Đàn	2	15	428	0	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH&THCS Bé Văn Đàn	TH&THCS	2	15	428	1	0	2			
808	Xã Trường Xuân	THCS	Trường THCS Lê Quý Đôn	1	24	1.077	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	THCS	2	40	1.762	1	2	2		2	1	

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sáp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập			
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ										Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
78	809	Xã Trường Xuân	THCS	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	1	16	715	1	1	1	0	0	0	0	1	0	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	THCS	2	40	1.732	1	2	2		2	1
	810	Xã Trường Xuân	TH	Trường TH Võ Thị Sáu	2	19	587	1	2	2	1	0	0	0	0	1											
	811	Xã Trường Xuân	TH	Trường TH Trưng Vương	1	23	884	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường TH Trưng Vương	TH	3	42	1.471	1	2	2		2	1
	812	Xã Trường Xuân	TH	Trường TH Trần Quốc Toàn	1	11	380	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	813	Xã Trường Xuân	TH	Trường TH Lê Đình Chính	1	26	973	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Trường TH Lê Đình Chính	TH	2	37	1.353	1	2	2		2	2
	814	Xã Trường Xuân	MN	Trường MN Hoa Hồng	5	14	481	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường MN Hoa Hồng	MN	5	14	481	1	1	2			
	815	Xã Trường Xuân	MN	Trường MN Tạ Thị Kiều	3	11	243	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường MN Tạ Thị Kiều	MN	3	11	243	1	1	1			
79	816	Xã Tuy Đức	MN	Trường MN Nguyễn Thị Minh Khai	2	10	275	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường MN Hoa Mai	MN	6	23	580	1	2	2		3	0
	817	Xã Tuy Đức	MN	Trường MN Hoa Mai	4	13	305	1	2	1	1	0	0	0	0	0											
	818	Xã Tuy Đức	MN	Trường MN Hoa Pơ Lang	3	20	495	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường MN Hoa Pơ Lang	MN	6	31	765	1	2	2		3	0
	819	Xã Tuy Đức	MN	MN Hoa Hồng	3	11	270	1	2	1	1	0	0	0	0	0											
	820	Xã Tuy Đức	TH	Trường TH Lê Hồng Phong	1	20	747	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH Lê Hồng Phong	TH	3	39	1.308	1	2	2		3	1
	821	Xã Tuy Đức	TH	Trường TH La Văn Cầu	2	19	561	1	2	1	1	0	0	0	0	0											
	822	Xã Tuy Đức	TH	Trường TH Bé Văn Đàn	1	11	314	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường TH Bé Văn Đàn	TH	2	32	990	1	2	2		2	1
	823	Xã Tuy Đức	TH	Trường TH Lê Mã Lương	1	21	676	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
	824	Xã Tuy Đức	MN	Trường MN Hòa Mi	3	13	280	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường MN Hòa Mi	MN	3	13	280	1	2	1			
	825	Xã Tuy Đức	THCS	Trường THCS Quang Trung	1	12	530	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường THCS Quang Trung	THCS	1	12	530	1	1	1			
	826	Xã Tuy Đức	THCS	Trường THCS Đắk Buk So	1	23	1.084	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Sáp nhập với THPT Lê Quý Đôn - Tuy Đức										
	827	Xã Tuy Đức	TH&THCS	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	1	20	754	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	TH&THCS	1	20	754	1	2	2			
828	Xã Tuy Đức	TH&THCS	Trường TH&THCS Nguyễn Du	3	30	988	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH&THCS Nguyễn Du	TH&THCS	3	30	988	1	2	2				
80	829	Xã Vĩnh Hảo	MN	Trường Mẫu giáo Vĩnh Hảo	2	11	347	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Vĩnh Hảo	MN	3	21	628	1	2	2		3	0
	830	Xã Vĩnh Hảo	MN	Trường Mẫu giáo Sao Mai	1	10	281	1	2	1	0	1	0	0	0	0											
	831	Xã Vĩnh Hảo	TH	Trường Tiểu học Vĩnh Hảo	2	24	724	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Vĩnh Hảo	TH	3	39	1.208	1	2	2		2	0
	832	Xã Vĩnh Hảo	TH	Trường Tiểu học Vĩnh Tiến	1	15	484	1	1	1	0	1	0	0	0	0											
	833	Xã Vĩnh Hảo	THCS	Trường THCS Vĩnh Hảo	1	16	633	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Trường THCS Vĩnh Hảo	THCS	1	16	633	1	1	2		1	3
	834	Xã Vĩnh Hảo	THCS	Trường THCS Lý Tự Trọng	1	8	283	1	1	2	1				1		Trường THCS Lý Tự Trọng	THCS	1	8	283	1	1	2			
	835	Xã Liên Hương	TH	Trường Tiểu học Liên Hương 4	1	31	1.024	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Liên Hương 3	TH	2	39	1.204	1	2	2	0	0	1
	836	Xã Liên Hương	TH	Trường Tiểu học Vĩnh Hạnh	1	8	180	0	1	1	0	1	0	0	0	0											
	837	Xã Liên Hương	TH	Trường Tiểu học Bình Thạnh	1	10	265	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường TH&THCS Bình Thạnh	TH&THCS	2	16	471	1	2	2	0	1	1

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập												
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Tổng cộng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức												Hợp đồng									
															Kế toán	Thủ quỹ	Văn thư																		
Dự kiến tên trường sau sáp nhập																											Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyên n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ
81	838	Xã Liên Hương	THCS	Trường THCS Bình Thạnh	1	6	206	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Bình Thạnh	TH&THCS	2	10	471	1	2	2		1	1								
	839	Xã Liên Hương	TH	Trường Tiểu học Phước Thê 1	1	27	911	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường Tiểu học Phước Thê	TH	3	40	1.290	1	2	2	0	1	1								
	840	Xã Liên Hương	TH	Trường Tiểu học Phước Thê 2	2	13	379	1	1	1	1	0	0	0	0	0																			
	841	Xã Liên Hương	TH	Trường Tiểu học Lạc Trị	1	16	446	1	1	1	1	0	0	0	0	0																			
	842	Xã Liên Hương	TH	Trường Tiểu học Phú Điền	1	10	228	0	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Phú Lạc	TH	2	26	674	1	2	2	0	0	0								
	843	Xã Liên Hương	TH	Trường Tiểu học Liên Hương 1	1	35	946	1	1	2	1	0	0	0	0	1																			
	844	Xã Liên Hương	TH	Trường Tiểu học Liên Hương 3 (CS1)	1	12	340	1	0	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Liên Hương 1	TH	2	47	1.286	1	2	2	0	0	1								
	845	Xã Liên Hương	TH	Trường Tiểu học Liên Hương 2	1	35	1.035	1	2	2	1	0	0	0	0	1																			
	846			Trường Tiểu học Liên Hương 3 (CS2)	1	13	378	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Liên Hương 2	TH	2	48	1.413	1	2	2	0	0	0								
	847	Xã Liên Hương	MN	Trường Mẫu giáo Bình Thạnh	1	4	124	1	1	1	1	0	0	0	0	0																			
	848	Xã Liên Hương	MN	Trường Mầm non Bồng Sen	1	14	499	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mầm non Bồng Sen	MN	2	18	623	1	2	2	0	2	0								
	849	Xã Liên Hương	MN	Trường Mẫu giáo Phú Lạc	3	13	394	1	2	1	0	1	0	0	0	0																			
	850	Xã Liên Hương	MN	Trường Mầm non Phước Thê	2	15	493	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Phú Lạc	MN	3	13	394	1	2	1											
	851	Xã Liên Hương	MN	Trường Mầm non Phước Thê	2	15	493	1	2	1	1	0	0	0	0	0																			
	852	Xã Liên Hương	MN	Trường Mầm non Hoa Phương	2	13	431	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mầm non Phước Thê	MN	2	15	493	1	2	1											
	853	Xã Liên Hương	MN	Trường Mầm non Hoa Phương	2	13	431	1	2	1	1	0	0	0	0	0																			
854	Xã Liên Hương	THCS	Trường THCS Phú Lạc	1	10	385	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường Mầm non Hoa Phương	MN	2	13	431	1	2	1												
855	Xã Liên Hương	THCS	Trường THCS Phước Thê	1	17	443	1	1	2	1	0	0	0	1	0																				
856	Xã Liên Hương	THCS	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	1	28	1.140	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Phú Lạc	THCS	1	10	385	1	1	2												
857	Xã Liên Hương	THCS	Trường THCS Lê Văn Tám	1	37	1.656	1	2	2	1	0	0	0	1	0																				
858	Xã Liên Hương	THCS	Trường THCS Lê Văn Tám	1	37	1.656	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	THCS	1	17	443	1	1	2												
859	Xã Liên Hương	THCS	Trường THCS Lê Văn Tám	1	37	1.656	1	2	2	1	0	0	0	1	0																				
82	856	Xã Tuy Phong	MN																																

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp nhập sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập			
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng		Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ	
										Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
83	867	Xã Phan Rí Cửa	TH	Trường Tiểu học Hòa Minh	3	20	495	1	1	1		1				Trường Tiểu học Hòa Minh	TH	4	30	786	1	2	2	0	0	0	
	868	Xã Phan Rí Cửa	TH	Trường Tiểu học Phan Rí Cửa 6	1	10	291	1	0	1	1					Trường Tiểu học Phan Rí Cửa 1	TH	2	25	848	1	2	2	0	1	1	
	869	Xã Phan Rí Cửa	TH	Trường Tiểu học Phan Rí Cửa 1	1	15	514	1	1	2		1			1	Trường Tiểu học Phan Rí Cửa 2	TH	3	53	1.699	1	2	2	0	2	1	
	870	Xã Phan Rí Cửa	TH	Trường Tiểu học Phan Rí Cửa 5	1	10	334	1	1	1		1				Trường Tiểu học Phan Rí Cửa 4	TH	2	20	544	1	2	2	0	1	0	
	871	Xã Phan Rí Cửa	TH	Trường Tiểu học Phan Rí Cửa 2	1	29	964	1	2	2	1			1		Trường Tiểu học Hòa Phú 1	TH	2	20	544	1	2	2	0	1	0	
	872	Xã Phan Rí Cửa	TH	Trường Tiểu học Phan Rí Cửa 4	2	24	735	1	1	1	1					Trường Tiểu học Hòa Phú 2	TH	2	20	544	1	2	2	0	1	0	
	873	Xã Phan Rí Cửa	TH	Trường Tiểu học Hòa Phú 1	1	10	266	1	1	1	1					Trường THCS Hòa Minh	THCS	2	30	1.167	1	2	2	1	0	2	
	874	Xã Phan Rí Cửa	TH	Trường Tiểu học Hòa Phú 2	1	10	278	1	1	1	1					Trường THCS Trần Quốc Toàn	THCS	2	30	1.167	1	2	2	1	0	2	
	875	Xã Phan Rí Cửa	THCS	Trường THCS Hòa Minh	1	10	354	1	1	2		1		1		Trường Mẫu giáo Chí Công	MN	1	14	508	1	2	1				
	876	Xã Phan Rí Cửa	THCS	Trường THCS Trần Quốc Toàn	1	20	813	1	1	2	1				1		Trường Mẫu giáo Hòa Minh	MN	3	10	272	1	2	1			
	877	Xã Phan Rí Cửa	MN	Trường Mẫu giáo Chí Công	1	14	508	1	2	1		1				Trường Mẫu giáo Hòa Phú	MN	1	8	240	1	1	1				
	878	Xã Phan Rí Cửa	MN	Trường Mẫu giáo Hòa Minh	3	10	272	1	2	1	1					Trường Tiểu học Chí Công 2	TH	2	30	1.000	1	1	2				
	879	Xã Phan Rí Cửa	MN	Trường Mẫu giáo Hòa Phú	1	8	240	1	1	1	1					Trường THCS Chí Công	THCS	1	32	1.312	1	1	2				
	880	Xã Phan Rí Cửa	TH	Trường Tiểu học Chí Công 2	2	30	1.000	1	1	2	1				1	Trường THCS Vô Thị Sáu	THCS	1	32	1.343	1	2	2				
	881	Xã Phan Rí Cửa	THCS	Trường THCS Chí Công	1	32	1.312	1	1	2	1				1	Trường THCS Hòa Phú	THCS	1	11	416	1	1	2				
882	Xã Phan Rí Cửa	THCS	Trường THCS Vô Thị Sáu	1	32	1.343	1	2	2	1				1													
883	Xã Phan Rí Cửa	THCS	Trường THCS Hòa Phú	1	11	416	1	1	2		1			1													
84	884	Xã Bắc Bình	MN	Trường Mẫu giáo Phan Hiệp	1	7	186	1	2	1	0	1	0	0	0	Trường Mẫu giáo Phan Hiệp	MN	1	7	186	1	2	1				
	885	Xã Bắc Bình	MN	Trường Mầm non Hướng Dương	1	20	559	1	1	1	0	1	0	0	0	Trường Mầm non Hướng Dương	MN	1	20	559	1	1	1				
	886	Xã Bắc Bình	MN	Trường Mẫu giáo Phan Hòa	3	14	478	1	2	1	1	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Phan Hòa	MN	3	14	478	1	2	1				
	887	Xã Bắc Bình	MN	Trường Mẫu giáo Phan Rí Thành	3	13	385	1	2	1	0	1	0	0	0	Trường Mẫu giáo Phan Rí Thành	MN	3	13	385	1	2					

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ												Văn thư	
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
85	896	Xã Bắc Bình	TH	Trường Tiểu học Chợ Lầu 2	1	20	595	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Chợ Lầu 2	TH	2	28	781	1	2	2		0	2
	897	Xã Bắc Bình	TH	Trường Tiểu học Hòa Thuận	1	8	186	0	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường Tiểu học Chợ Lầu 2	TH	2	28	781	1	2	2		0	2
	898	Xã Bắc Bình	TH	Trường Tiểu học Chợ Lầu 1	1	15	437	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Trường Tiểu học Chợ Lầu 1	TH	1	15	437	1	1	2			
	899	Xã Bắc Bình	TH	Trường Tiểu học Phan Rí Thành 1	1	10	258	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Phan Rí Thành 1	TH	1	10	258	1	1	2			
	900	Xã Bắc Bình	THCS	Trường THCS Chợ Lầu	1	23	976	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Chợ Lầu	THCS	1	23	976	1	2	2			
	901	Xã Bắc Bình	THCS	Trường PTDTNT Bắc Bình	1	8	256	1	2	3	1	0	0	1	1	0	Trường PTDTNT Bắc Bình	THCS	1	8	256	1	2	3			
85	902	Xã Hồng Thái	MN	Trường MG Hồng Thái	6	15	434	1	2	1		1	0	0	0	0	Trường MG Hồng Thái	MN	6	15	434	1	2	1			
	903	Xã Hồng Thái	MN	Trường MG Phan Thanh	4	15	439	1	2	1		1	0	0	0	0	Trường MG Phan Thanh	MN	4	15	439	1	2	1			
	904	Xã Hồng Thái	TH	Trường TH Hồng Thái 1	1	9	197	1	1	2	1				1												
	905	Xã Hồng Thái	TH	Trường TH Phan Thanh 1	1	10	266	1	1	2		1				1	Trường TH Hồng Thái	TH	5	38	928	1	2	2		4	4
	906	Xã Hồng Thái	TH	Trường TH Hồng Thái 2	3	19	465	1	2	2		1			1												
	907	Xã Hồng Thái	TH	Trường TH Hồng Thái 3	2	18	451	0	2	2	1				1		Trường TH Phan Thanh	TH	4	39	1.005	1	2	2		2	2
	908	Xã Hồng Thái	TH	Trường TH Phan Thanh 2	2	21	554	1	2	2	1				1		Trường TH Phan Thanh	TH	4	39	1.005	1	2	2		2	2
	909	Xã Hồng Thái	THCS	Trường THCS Bắc Bình 3	1	19	775	0	1	2		1			1		Trường THCS Bắc Bình 3	THCS	1	19	775	1	0	2			2
	910	Xã Hồng Thái	THCS	Trường THCS Phan Thanh	1	19	714	1	1	2		1			1		Trường THCS Phan Thanh	THCS	1	19	714	1	1	2			2
86	911	Xã Hải Ninh	MN	Trường Mầm non 19/5	1	9	213	1	2	1		1					Trường Mầm non 19/5	MN	5	22	541	1	2	2		4	1
	912	Xã Hải Ninh	MN	Trường MG Phan Diễn	1	4	109	0	1	1		1					Trường Mầm non 19/5	MN	5	22	541	1	2	2		4	1
	913	Xã Hải Ninh	MN	Trường MG Bình An	3	9	219	1	2	1		1															
	914	Xã Hải Ninh	TH	Trường TH Hải Ninh 1	1	10	266	1	1	1	1																
	915	Xã Hải Ninh	TH	Trường TH Hải Ninh 2	1	13	365	1	1	2	1				1		Trường TH Hải Ninh	TH	2	23	631	1	2	2		1	1
	916	Xã Hải Ninh	TH	Trường TH Bình An	3	15	337	1	2	2		1			1		Trường TH Bình An	TH	5	25	524	1	2	2		2	1
	917	Xã Hải Ninh	TH	Trường TH Lê Văn Tám	2	10	187	1	1	1		1					Trường TH Bình An										

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên	Dự kiến phương án bố trí, sáp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập			
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư										Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp
											Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
88	925	Xã Sông Lũy	MN	Mẫu giáo Bình Tân	3	10	315	1	2	1	0	1	0	0	0	0												
	926	Xã Sông Lũy	TH	Tiểu học Bình Tân 1	1	10	290	1	1	2	1	0	0	0	1	0									1		1	
	927	Xã Sông Lũy	TH	Tiểu học Bình Tân 2	1	11	341	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Bình Tân	TH	2	21	631	1	2	2				
	928	Xã Sông Lũy	TH	Tiểu học Sông Lũy 2	1	10	326	1	1	1	0	1	0	0	0	0									1		1	
	929	Xã Sông Lũy	TH	Tiểu học Sông Lũy 3	2	10	214	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Trường Tiểu học Sông Lũy	TH	3	20	540	1	2	2		1		1
	930	Xã Sông Lũy	TH&THCS	TH&THCS Phan Tiến	1	15	477	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Giữ nguyên	TH&THCS	1	15	477	1	1	2				
	931	Xã Sông Lũy	THCS	THCS Bình Tân	1	12	498	1	1	2	0	1	0	0	0	1	THCS Sông Lũy	THCS	2	23	880	1	2	2		1		1
	932	Xã Sông Lũy	THCS	THCS Sông Lũy	1	11	382	1	1	1		1	0	0	0	0												
89	933	Xã Lương Sơn	MN	Mẫu giáo Sông Bình	4	9	191	1	1	1	0	1	0	0	0	0									2		0	
	934	Xã Lương Sơn	MN	Mầm non Lương Sơn	2	17	522	1	2	1	0	1	0	0	0	0												
	935	Xã Lương Sơn	TH	Tiểu học Lương Sơn 1	1	10	292	1	1	2	0	1	0	0	0	1												
	936	Xã Lương Sơn	TH	Tiểu học Lương Sơn 2	1	20	636	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Tiểu học Lương Sơn	TH	4	44	1.292	1	2	2		4		4
	937	Xã Lương Sơn	TH	Tiểu học Lương Sơn 3	2	14	364	1	1	2	0	1	0	0	0	1												
	938	Xã Lương Sơn	TH	Tiểu học Hoàng Văn Thụ	2	10	134	1	1	2	1		0	0		1												
	939	Xã Lương Sơn	TH	Tiểu học Sông Bình	2	14	301	1	2	2		1	0	0	1		TH&THCS Lương Sơn	TH&THCS	5	34	781	1	2	2		4		4
	940	Xã Lương Sơn	THCS	THCS Sông Bình	1	10	346	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
	941	Xã Lương Sơn	THCS	THCS Lương Sơn	1	28	1.147	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Ghép vào trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai											
90	942	Xã Hòa Thắng	MN	Trường MG Hòa Thắng	3	16	457	1	2	1		1					Trường MG Hòa Thắng	MN	4	20	533	1	2	2		2		0
	943	Xã Hòa Thắng	MN	Trường MG Hồng Phong	1	4	76	1	1	1		1																
	944	Xã Hòa Thắng	TH	Trường TH Hòa Thắng 1	1	10	237	1	1	1	1						Trường TH Hòa Thắng	TH	2	24	631	1	2	2		1		0
	945	Xã Hòa Thắng	TH	Trường TH Hòa Thắng 2	1	14	394	1	1	1		1																
	946	Xã Hòa Thắng	TH&THCS	Trường TH &THCS Hồng Phong	2	11	275	1	1	2	1				1		Trường TH &THCS Hồng Phong	TH&THCS	3	22	580	1	2	2	1	0		2
	947	Xã Hòa Thắng	TH&THCS	Trường TH &THCS Võ Hữu	1	11	305	1	1	2		1			1													
	948	Xã Hòa Thắng	THCS	Trường THCS Hòa Thắng	1	12	484	1	1	2	1				1		Trường THCS Hòa Thắng	THCS	1	12	484	1	1	2				
91	949	Xã Đông Giang	MN	Trường Mẫu Giáo Đông Giang	2	8	240	1	2	2		1			1		Trường Mẫu Giáo Đông Giang	MN	3	12	320	1	2	2	0	2		2
	950	Xã Đông Giang	MN	Trường Mẫu Giáo Đông Tiến	1	4	80	1	1	2	1				1													
	951	Xã Đông Giang	TH&THCS	Trường TH&THCS Đông Giang	2	22	615	1	2	2	1				1		Trường TH&THCS Đông Giang	TH&THCS	3	30	796	1	2	2	0	2		2
	952	Xã Đông Giang	TH&THCS	Trường TH&THCS Đông Tiến	1	8	181	1	1	2	1					1												
	953	Xã La Dạ	MN	Trường Mẫu giáo La Dạ	2	9	265	1	2	2		1		0		1	Trường Mẫu giáo La Dạ	MN	2	9	265	1	2	2				

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sáp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập			
			Kế toán		Thủ quỹ				Văn thư																		
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)							Số nhóm, lớp
92	954	Xã La Dạ	MN	Trường Mẫu giáo Đa Mi	4	8	246	1	2	1		1	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Đa Mi	MN	4	8	246	1	2	1			
	955	Xã La Dạ	TH&THCS	Trường TH&THCS La Dạ	4	26	667	1	2	2	1			0	1	Trường TH&THCS La Dạ	TH&THCS	4	26	667	1	2	2			4	
	956	Xã La Dạ	TH	Trường Tiểu học Đa Mi 1	2	12	254	1	2	2		1		0	1	Trường Tiểu học Đa Mi 1	TH&THCS	5	32	793	1	2	2		3	5	
	957	Xã La Dạ	TH	Trường Tiểu học Đa Mi 2	2	10	220	0	1	2		1		0	1	Trường Tiểu học Đa Mi 2											
	958	Xã La Dạ	THCS	Trường THCS Đa Mi	1	10	319	1	1	3	1			1	1	Trường THCS Đa Mi											
93	959	Xã Hàm Thuận Bắc	MN	Trường Mẫu giáo Thuận Hòa	4	12	321	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Thuận Hòa	MN	4	12	321	1	2	1			
	960	Xã Hàm Thuận Bắc	MN	Trường Mẫu giáo Hàm Trí	2	11	385	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Chưa đặt tên	MN	4	22	722	1	2	2		3	1
	961	Xã Hàm Thuận Bắc	MN	Trường Mẫu giáo Hàm Phú	2	11	337	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thuận Hòa	TH&THCS	4	39	1.102	1	2	2		2	2
	962	Xã Hàm Thuận Bắc	THCS	Trường THCS Thuận Hòa	1	13	456	1	1	2	1	0	0	0	0	1											
	963	Xã Hàm Thuận Bắc	TH	Trường TH Thuận Hòa	3	26	646	0	3	2	1	0	0	0	0	1											
	964	Xã Hàm Thuận Bắc	TH	Trường TH Lâm Giang	1	10	315	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường TH Hàm Thuận Bắc	TH	6	59	1.685	1	2	2		5	6
	965	Xã Hàm Thuận Bắc	TH	Trường TH Hàm Trí	2	24	643	0	2	2	1	0	0	0	1	0											
	966	Xã Hàm Thuận Bắc	TH	Trường TH Hàm Phú 1	2	15	413	1	1	2	0	1	0	0	0	1											
	967	Xã Hàm Thuận Bắc	TH	Trường TH Hàm Phú 2	1	10	314	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường THCS Hàm Thuận Bắc	THCS	2	34	1.360	1	2	2		1	2
	968	Xã Hàm Thuận Bắc	THCS	Trường THCS Hàm Trí	1	17	695	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	969	Xã Hàm Thuận Bắc	THCS	Trường THCS Hàm Phú	1	17	665	1	1	2	0	1	0	0	1	0											
94	970	Xã Hàm Thuận	THCS	PTDT Nội trú Hàm Thuận	1	8	269	1	2	2	1	0	0	0	1	0	PTDT Nội trú Hàm Thuận	THCS	1	8	269	1	2	2			
	971	Xã Hàm Thuận	THCS	THCS Thuận Minh	1	12	512	1	1	2	1	0	0	0	0	1	TH&THCS Thuận Minh	TH&THCS	5	38	1.233	1	2	2		2	2
	972	Xã Hàm Thuận	TH	TH Thuận Minh	4	26	721	1	2	2	1	0	0	0	0	1											
	973	Xã Hàm Thuận	THCS	THCS Ma Lâm	1	32	1.368	1	2	3	1	0	1	0	0	1											
	974	Xã Hàm Thuận	TH	TH Lâm Hưng	2	20	548	1	1	2	0	1	0	0	0	1	TH&THCS Ma Lâm	TH&THCS	4	82	2.938	1	3	2		4	5
	975	Xã Hàm Thuận	TH	TH Lâm Hòa	1	30	1.022	1	2	2	0	1	0	0	0	1	TH&THCS Hàm Đức	TH&THCS	7	91	2.937	1	3	2		5	6

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trị, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập						
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Tổng cộng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức												Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)
	983	Xã Hàm Thuận	MN	MG Hàm Đức	4	21	642	1	2	2	1	0	0	0	1	0	MG Hàm Đức	MN	4	21	642	1	2	2					
95	984	Xã Hồng Sơn	MN	Trường MG Hồng Liêm	3	13	330	1	2	2		1			1		Trường MG Hồng Liêm	MN	3	13	330	1	2	2					
	985	Xã Hồng Sơn	MN	Trường MG Hồng Sơn	4	20	569	1	3	2		1			1		Trường MG Hồng Sơn	MN	4	20	569	1	3	2			1		
	986	Xã Hồng Sơn	TH	Trường TH Hồng Liêm 1 (Điểm chính Liêm An)	1	9	216	1	0	2	1				1		Trường TH Hồng Liêm	TH	3	28	750	1	2	2		1		2	
	987	Xã Hồng Sơn	TH	Trường TH Hồng Liêm 3	2	19	534	1	2	2		1			1		Trường TH Hồng Liêm	TH											
	988	Xã Hồng Sơn	TH	Trường TH Long Thạnh	2	19	564	1	2	1	1						Trường TH Long Thạnh	TH	3	24	711	1	2	1		1		0	
	989			Trường TH Hồng Liêm 1 (Điểm lẻ Liêm Bình)	1	5	147	0	1	0							Trường TH Hồng Sơn	TH	3	31	805	1	2	2		2		2	
	990	Xã Hồng Sơn	TH	Trường TH Hồng Sơn 2	1	13	354	1	1	2		1			1		Trường TH Hồng Sơn	TH											
	991	Xã Hồng Sơn	TH	Trường TH Hồng Sơn 4	2	18	451	1	2	2		1			1		Trường THCS Hồng Sơn	THCS	2	48	1.931	1	2	2		0		1	
	992	Xã Hồng Sơn	THCS	Trường THCS Hồng Liêm	1	16	635	0	1	1					1		Trường THCS Hồng Sơn	THCS											
	993	Xã Hồng Sơn	THCS	Trường THCS Hồng Sơn	1	32	1.296	1	1	2	1				1		Trường THCS Hồng Sơn	THCS											
96	994	Xã Hàm Liêm	MN	Trường Mẫu giáo Hàm Liêm	1	11	331	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Hàm Liêm	MN	6	28	824	1	2	2			3		0
	995	Xã Hàm Liêm	MN	Trường Mẫu giáo Hàm Chính	5	17	493	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Hàm Chính	MN											
	996	Xã Hàm Liêm	TH	Trường Tiểu học Hàm Liêm	2	30	1.015	1	1	3	1	0	0	1	1	0	Trường Tiểu học Hàm Liêm	TH	2	30	1.015	1	1	3					
	997	Xã Hàm Liêm	TH	Trường Tiểu học Hàm Chính 1	2	18	443	0	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Hàm Chính	TH	5	47	1.229	1	2	2		3		5	
	998	Xã Hàm Liêm	TH	Trường Tiểu học Hàm Chính 2	1	10	293	0	1	3	1	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Hàm Chính	TH											
	999	Xã Hàm Liêm	TH	Trường Tiểu học Hàm Chính 3	2	19	493	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Hàm Chính	TH											
	1000	Xã Hàm Liêm	THCS	Trường Trung học cơ sở Hàm Liêm	1	19	776	0	3	2	1	0	0	0	0	1	Trường Trung học cơ sở Hàm Liêm	THCS	1	19	776	1	2	2					
	1001	Xã Hàm Liêm	THCS	Trường Trung học cơ sở Hàm Chính	1	24	981	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Trường Trung học cơ sở Hàm Chính	THCS	1	24	981	1	2	2					
97	1002	Xã Tuyên Quang	MN	Mẫu giáo Hàm Mỹ	5	13	353	1	2																				

10

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập											
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ										Văn thư		Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ							
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng																				
101	1041	Xã Tân Lập	TH	Trường Tiểu học Tân Lập 2	1	10	315	1	1	2	1	0	0	0	1	0																			
	1042	Xã Tân Lập	TH	Trường Tiểu học Tân Lập 1	1	11	336	1	1	1	0	1	0	0	0	0																			
	1043	Xã Tân Lập	TH	Trường Tiểu học Tân Lập 3	1	10	338	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Tân Lập	TH	2	21	674	1	2	2					1					0	
	1044	Xã Tân Lập	MN	Trường Mẫu giáo Sông Phan	1	13	348	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Sông Phan	MN	1	13	348	1	2	1											
	1045	Xã Tân Lập	MN	Trường Mẫu giáo Tân Lập	1	9	286	1	1	1	0	1	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Tân Lập	MN	1	9	286	1	1	1											
	1046	Xã Tân Lập	THCS	Trường THCS Tân Lập	1	19	733	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Trường THCS Tân Lập	THCS	1	19	733	1	1	2											
	1047	Xã Tân Lập	THCS	Trường THCS Sông Phan	1	8	265	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường THCS Sông Phan	THCS	1	8	265	1	1	2											
102	1048	Xã Tân Thành	MN	Trường MG Tân Thuận	6	15	490	1	1	1		1					Trường MG Tân Thành	MN	10	31	1.000	1	2	2			4	1							
	1049	Xã Tân Thành	MN	Trường MG Tân Thành	3	9	290	1	2	1		1																							
	1050	Xã Tân Thành	MN	Trường MG Thuận Quý	1	7	220	1	1	1		1																							
	1051	Xã Tân Thành	TH	Trường TH Tân Thuận 1	2	22	700	1	1	2		1				1	Trường TH Tân Thuận 1	TH	3	31	927	1	2	2			1	1							
	1052	Xã Tân Thành	TH	Trường TH Tân Thuận 4	1	9	227	1	1	1		1																							
	1053	Xã Tân Thành	TH	Trường TH Tân Thuận 3	1	13	377	1	1	1	1						Trường TH Tân Thuận 2	TH	2	28	809	1	2	2			1	0							
	1054	Xã Tân Thành	TH	Trường TH Tân Thuận 2	1	15	432	1	1	1	1																								
	1055	Xã Tân Thành	TH	Trường TH Tân Thành 1	1	11	360	1	1	2		1				1	Trường TH&THCS Tân Thành	TH&THCS	3	41	1.310	1	3	2			1	2							
	1056	Xã Tân Thành	TH&THCS	Trường TH&THCS Tân Thành	2	30	950	1	2	2	1					1																			
	1057	Xã Tân Thành	TH&THCS	Trường TH&THCS Thuận Quý	2	25	800	1	2	2	1					1	Trường TH&THCS Thuận Quý	TH&THCS	2	25	800	1	2	2											
1058	Xã Tân Thành	THCS	Trường THCS Tân Thuận	2	29	1.107	1	1	2		1				1	Trường THCS Tân Thuận	THCS	2	29	1.107	1	1	2												
103	1059	Xã Tân Minh	TH	Trường TH Tân Đức 1	1	10	281	1	1	1	1						Trường TH Tân Minh 2	TH	2	18	459	1	2	2			1	0							
	1060	Xã Tân Minh	TH	Trường TH Tân Đức 2	1	8	178	1	1	1		1																							
	1061	Xã Tân Minh	TH	Trường TH Tân Phúc 1	1	11	336	1	1	1	1						Trường TH Tân Minh 1	TH	4	37	1.075	1	2	2			2	0							
	1062	Xã Tân Minh	TH	Trường TH Tân Phúc 2	1	5	104	1	1	1	1																								
	1063			Cấp Tiểu học Trường THCS Tân Minh	2	21	635	0	1	0																									
	1064	Xã Tân Minh	TH&THCS	Cấp THCS Trường THCS Tân Minh	1	18	670	1	1	2	1					1	Trường THCS Tân Minh	THCS	2	27	990	1	2	2			1	2							
	1065	Xã Tân Minh	THCS	THCS Tân Phúc	1	9	320	1	1	2	1					1																			
	1066	Xã Tân Minh	THCS	THCS Tân Đức	1	12	405	1	1	2	1					1																	THCS Tân Đức	THCS	1
	1067	Xã Tân Minh	MN	MG Tân Đức	2	9	236	1	2	1	0	1					MN Tân Minh 3	MN	2	9	236	1	2	1											
	1068	Xã Tân Minh	MN	MG Tân Minh	2	10	265	1	2	1	1						MN Tân Minh 2	MN	2	10	265	1	2	1											
1069	Xã Tân Minh	MN	MG Tân Phúc	3	10	280	1	2	1	1						MN Tân Minh 1	MN	3	10	280	1	2	1												

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sắp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập			
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ													Văn thư
								Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng		Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n lâm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ	
104	1070	Xã Hàm Tân	MN	Trường MN Hàm Tân	2	10	270	1	2	1	0	1	0	0	0	0	MG Tân Nghĩa	MN	3	18	525	1	2	2	0	1	0	
	1071	Xã Hàm Tân	MN	Trường MG Tân Nghĩa	1	8	255	1	0	1	0	1	0	0	0	0												
	1072	Xã Hàm Tân	MN	Trường MG Tân Hà	3	9	260	1	2	1	0	1	0	0	0	0	MG Hàm Tân	MN	6	18	520	1	2	2	0	3	0	
	1073	Xã Hàm Tân	MN	Trường MG Tân Xuân	3	9	260	1	2	1	0	1	0	0	0	0												
	1074	Xã Hàm Tân	TH	Trường TH Tân Nghĩa 1	1	18	580	1	1	0	0	0	0	0	0	0	TH Tân Nghĩa	TH	2	38	1.212	1	2	2	0	1	0	
	1075	Xã Hàm Tân	TH	Trường TH Tân Nghĩa 2 (điểm chính)	1	20	632	1	1	2	1	0	0	0	0	1												
	1076	Xã Hàm Tân	TH	Trường TH Tân Hà	1	20	618	1	1	2	1	0	0	0	1	0	TH Tân Hà	TH	2	28	813	1	1	2	0	0	0	
	1077			Trường TH Tân Nghĩa 2 (điểm Bình Ngãi)	1	8	195	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
	1078	Xã Hàm Tân	TH	Trường TH Tân Xuân 1	1	16	460	1	1	1	1	0	0	0	0	0	TH Tân Xuân	TH	3	28	729	1	2	2	0	1	0	
	1079	Xã Hàm Tân	TH	Trường TH Tân Xuân 2	2	12	269	1	1	1	1	0	0	0	0	0												
	1080	Xã Hàm Tân	THCS	Trường THCS Tân Hà	1	13	480	1	1	2	1	0	0	0	1	0	THCS Hàm Tân	THCS	2	28	1.059	1	2	2	0	1	2	
	1081	Xã Hàm Tân	THCS	Trường THCS Tân Xuân	1	15	579	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
1082	Xã Hàm Tân	THCS	Trường THCS Tân Nghĩa	1	23	992	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Tân Nghĩa	THCS	1	23	992	1	1	2					
105	1083	Xã Sơn Mỹ	MN	Mẫu giáo Sơn Mỹ	1	8	250	1	1	1		1				Mẫu giáo Sơn Mỹ	MN	1	8	250	1	1	1					
	1084	Xã Sơn Mỹ	MN	Mẫu giáo Tân Thắng	3	13	400	1	2	1	1					Mẫu giáo Tân Thắng	MN	3	13	400	1	2	1					
	1085	Xã Sơn Mỹ	MN	Mẫu giáo Thăng Hải	1	7	209	1	2	1		1				Mẫu giáo Thăng Hải	MN	1	7	209	1	2	1					
	1086	Xã Sơn Mỹ	TH	Tiểu học Sơn Mỹ 1	1	10	287	0	1	1	1					Tiểu học Sơn Mỹ	TH	2	20	513	1	2	2		0	0	0	
	1087	Xã Sơn Mỹ	TH	Tiểu học Sơn Mỹ 2	1	10	226	1	1	1		1																
	1088	Xã Sơn Mỹ	TH	Tiểu học Tân Thắng 1	1	21	679	1	1	1	1					Tiểu học Tân Thắng 1	TH	3	36	998	1	2	2		1	0	0	
	1089	Xã Sơn Mỹ	TH	Tiểu học Tân Thắng 2	2	15	319	1	1	1	1																	
	1090	Xã Sơn Mỹ	TH	Tiểu học Thăng Hải 1	2	16	420	1	1	1	1					Tiểu học&THCS Thăng Hải	TH&THCS	3	24	715	1	2	2		1	1	1	
	1091	Xã Sơn Mỹ	THCS	THCS Thăng Hải	1	8	295	1	1	2	1				1													
	1092	Xã Sơn Mỹ	THCS	THCS Tân Thắng	1	19	691	1	1	2		1			1	Ghép với trường THPT Huỳnh Thúc Kháng - Sơn Mỹ												
1093	Xã Sơn Mỹ	THCS	THCS Sơn Mỹ	1	12	448	1	1	2		1			1	THCS Sơn Mỹ	THCS	1	12	448	1	1	2						
106	1094	Xã Tân Hải	THCS	THCS Tân Tiến	1	16	678	1	1	2	0	1	0	0	1	0	THCS Tân Tiến	THCS	1	16	678	1	1	2				
	1095	Xã Tân Hải	THCS	THCS Tân Hải	1	23	1.053	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Ghép vào trường THPT Nguyễn Trường Tộ											
	1096	Xã Tân Hải	TH	Trường TH Tân Tiến 1	1	12	413	1	1	1	0	1	0	0	0													
	1097	Xã Tân Hải	TH	TH Tân Tiến 2	1	10	310	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường TH Tân Tiến	TH	3	36	1.214	1	2	2		3	1	
	1098	Xã Tân Hải	TH	Trường TH Tân Tiến 3	1	14	491	1	1	1	0	1	0	0	0	0												

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng		Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ	
										Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
	1099	Xã Tân Hải	TH	Trường Tiểu học Tân Hải 1	1	15	506	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Tân Hải	TH	2	30	1.016	1	2	2		0	0
	1100	Xã Tân Hải	TH	Trường tiểu học Tân Hải 2	1	15	510	1	0	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Tân Hải	TH	2	30	1.016	1	2	2		0	0
	1101	Xã Tân Hải	MN	Trường MG Tân Hải	3	13	415	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường MG Tân Hải	MN	3	13	415	1	2	1			
	1102	Xã Tân Hải	MN	Trường MG Tân Tiến	3	9	279	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường MG Tân Tiến	MN	3	9	279	1	1	1			
107	1103	Phường La Gi	THCS	THCS Tân An	1	32	1.412	1	1	2	1				1		THCS Tân An	THCS	2	39	1.653	1	2	2		1	2
	1104	Phường La Gi	THCS	THCS Tân Thiện	1	7	241	1	1	2	1				1		THCS Tân An	THCS	2	39	1.653	1	2	2			
	1105	Phường La Gi	THCS	THCS Bình Tân	1	24	1.079	1	1	2	1				1		Giữ nguyên	THCS	1	24	1.079	1	1	2			
	1106	Phường La Gi	THCS	THCS Tân Bình	1	13	498	1	1	2	1				1		Giữ nguyên	THCS	1	13	498	1	1	2			
	1107	Phường La Gi	TH	TH Tân An 1	1	15	512	1	1	2	1				1		Tiểu học Tân An 1	TH	2	25	866	1	2	2		0	2
	1108	Phường La Gi	TH	TH Tân An 3	1	10	354	1	0	2	1				1		Tiểu học Tân An 1	TH	2	25	866	1	2	2			
	1109	Phường La Gi	TH	TH Tân An 2	1	25	880	1	1	2	1				1		Tiểu học Tân An 2	TH	2	35	1.216	1	2	2		1	1
	1110	Phường La Gi	TH	TH Tân Thiện	1	10	336	1	1	1	1						Tiểu học Tân An 2	TH	2	35	1.216	1	2	2			
	1111	Phường La Gi	TH	TH Bình Tân 1	1	14	469	1	0	2	1				1		Tiểu học Bình Tân	TH	2	33	1.129	1	2	2		0	2
	1112	Phường La Gi	TH	TH Bình Tân 2	1	19	660	1	1	2	1				1		Tiểu học Bình Tân	TH	2	33	1.129	1	2	2			
	1113	Phường La Gi	TH	TH Bình Tân 3	1	12	406	1	1	2	1				1		Tiểu học Tân Bình	TH	3	29	977	1	2	2		1	1
	1114	Phường La Gi	TH	TH Tân Bình	2	17	571	1	1	1	1						Tiểu học Tân Bình	TH	3	29	977	1	2	2			
	1115	Phường La Gi	MN	Mẫu giáo Tân An	2	7	201	1	1	1		1					Mẫu giáo Tân Thiện	MN	3	12	358	1	2	2		0	0
	1116	Phường La Gi	MN	Mẫu giáo Tân Thiện	1	5	157	1	0	1	1						Mẫu giáo Tân Thiện	MN	3	12	358	1	2	2			
	1117	Phường La Gi	MN	Mẫu giáo Bình Tân	1	5	176	1	1	1	1						Mẫu giáo Bình Tân	MN	2	11	324	1	2	2		0	1
	1118	Phường La Gi	MN	Mẫu giáo Tân Bình	1	6	148	1	1	1	1	1					Mẫu giáo Bình Tân	MN	2	11	324	1	2	2			
	1119	Phường La Gi	MN	Mầm non Hoa Hồng	1	13	404	1	2	1			1														

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ												Văn thư	
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
108	1128	Phường Phước Hội	TH	Trường TH Phước Lộc 1	1	8	251	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường Tiểu học Phước Lộc	TH	2	20	643	1	2	2	0	1	2
	1129	Phường Phước Hội	TH	Trường TH Phước Lộc 2	1	12	392	1	1	2	1	0	0	0	0	1											
	1130	Phường Phước Hội	TH	Trường TH Tân Phước 1	1	10	345	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường Tiểu học Tân Phước	TH	3	24	836	1	2	2	0	2	3
	1131	Phường Phước Hội	TH	Trường TH Tân Phước 2	1	5	189	1	0	1	1	0	0	0	0	0											
	1132	Phường Phước Hội	TH	Trường TH Tân Phước 3	1	9	302	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường Trung học cơ sở Phước Hội	THCS	2	42	1.912	1	2	2	0	1	2
	1133	Phường Phước Hội	THCS	Trường THCS Phước Hội 1	1	22	997	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	1134	Phường Phước Hội	THCS	Trường THCS Phước Hội 2	1	20	915	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	THCS	2	28	1.141	1	2	2	0	1	2
	1135	Phường Phước Hội	THCS	Trường THCS Phước Lộc	1	18	720	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	1136	Phường Phước Hội	THCS	Trường THCS Tân Phước	1	10	421	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
109	1137	Xã Suối Kiết	MN	Trường Mẫu giáo Bà Tá	2	7	205	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường mẫu giáo Suối Kiết	MN	7	21	561	1	2	2		5	1
	1138	Xã Suối Kiết	MN	Trường Mẫu giáo Gia Huỳnh	2	6	113	1	1	1	0	1	0	0	0	0											
	1139	Xã Suối Kiết	MN	Trường Mẫu giáo Suối Kiết	3	8	243	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường tiểu học Suối Kiết	TH	10	62	1.243	1	2	2		6	4
	1140	Xã Suối Kiết	TH	Trường Tiểu học Bà Tá	3	20	405	1	2	2	1	0	0	0	0	1											
	1141	Xã Suối Kiết	TH	Trường Tiểu học Gia Huỳnh	2	12	213	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường THCS Suối Kiết	THCS	2	22	807	1	2	2		1	2
	1142	Xã Suối Kiết	TH	Trường Tiểu học Suối Kiết	3	17	330	1	1	2	0	1	0	0	0	1											
	1143	Xã Suối Kiết	TH	Trường Tiểu học Sông Dinh	2	13	295	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường THCS Suối Kiết	THCS	2	22	807	1	2	2		1	2
	1144	Xã Suối Kiết	THCS	Trường THCS Gia Huỳnh	1	11	390	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
	1145	Xã Suối Kiết	THCS	Trường THCS Suối Kiết	1	11	417	1	1	2	0	1	0	0	1	0											
110	1146	Xã Tánh Linh	MN	Trường MG Hoa Phượng	1	11	352	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường Mầm non Hoa Phượng	MN	4	19	592	1	2	2		2	0
	1147	Xã Tánh Linh	MN	Trường MG Hoa Hồng	3	8	240	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
	1148	Xã Tánh Linh	MN	Trường MN Lạc Hồng	1	13	370	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường Mầm non Lạc Hồng	MN	4	22	640	1	2	2		3	0
	1149	Xã Tánh Linh	MN	Trường MG Bé Thơ	3	9	270	1	2	1	0	1	0	0	0	0											
	1150	Xã Tánh Linh	TH	Trường TH Lạc Tánh 1	1	19	570	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học										

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Tổng cộng	Kế toán	Thủ quỹ		Văn thư															
							Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng			Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
	1157	Xã Tánh Linh	THCS	Trường THCS Tân Thành	1	9	314	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường THCS Lạc Tân	THCS	2	20	963	1	2	2	2	1	2	
	1158	Xã Tánh Linh	THCS	Trường THCS Gia An	1	17	645	1	2	2	1	0	0	0	1	0												
	1159	Xã Tánh Linh	THCS	Trường THCS Duy Cẩn	1	10	323	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Trường THCS Gia An	THCS	2	27	968	1	2	2		2	2	
	1160	Xã Tánh Linh	MN	Trường MG Búp Mãng	4	16	499	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường Mầm non Búp Mãng	MN	4	16	499	1	2	1				
	1161	Xã Tánh Linh	TH	Trường TH Tân Thành	2	24	630	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Trường TH Tân Thành	TH	2	24	630	1	2	2				
	1162	Xã Tánh Linh	TH	Trường TH Gia An 1	1	20	624	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường TH Gia An 1	TH	1	20	624	1	2	1				
	1163	Xã Tánh Linh	THCS	Trường THCS Đức Thuận	1	19	756	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Đức Thuận	THCS	1	19	756	1	1	2				
	1164	Xã Tánh Linh	THCS	Trường PTDTNT THCS Tánh Linh	1	10	318	1	2	3	1	0	1	0	1	0	Trường PTDTNT THCS Tánh Linh	THCS	1	10	318	1	2	3				
111	1165	Xã Bắc Rượu	MN	Trường Mẫu giáo Hoa My	3	8	235	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu Giáo Bắc Rượu	MN	6	23	685	1	2	2		3	0	
	1166	Xã Bắc Rượu	MN	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	3	15	450	1	2	1	0	1	0	0	0	0												
	1167	Xã Bắc Rượu	TH	Trường Tiểu học Mãng Tổ	1	10	220	1	1	1	1	0	0	0	0	0												
	1168	Xã Bắc Rượu	TH	Trường Tiểu học Đức Tân 1	1	10	270	1	1	1	0	1	0	0	0	0	Trường Tiểu học Đức Tân	TH	3	30	780	1	2	2		2	1	
	1169	Xã Bắc Rượu	TH	Trường Tiểu học Đức Tân 2	1	10	290	1	0	1	1	0	0	0	0	0												
	1170	Xã Bắc Rượu	TH	Trường Tiểu học Bắc Rượu 1	1	11	320	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Bắc Rượu	TH	3	21	480	1	2	2		1	0	
	1171	Xã Bắc Rượu	TH	Trường Tiểu học Bắc Rượu 2	2	10	160	1	1	1	0	1	0	0	0	0												
	1172	Xã Bắc Rượu	THCS	Trường THCS Đức Tân	1	15	458	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường THCS Đức Tân	THCS	1	15	458	1	1	2		0	0	
	1173	Xã Bắc Rượu	THCS	Trường THCS Mãng Tổ	1	6	112	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Trường THCS Bắc Rượu	THCS	2	18	497	1	2	2		1	2	
	1174	Xã Bắc Rượu	THCS	Trường THCS Bắc Rượu	1	12	385	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
112	1175	Xã Đồng Kho	MN	Trường Mẫu giáo Mãng Non	2	8	260	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Đồng Kho	MN	6	30	911	1	2	2		0	6	1
	1176	Xã Đồng Kho	MN	Trường Mẫu giáo Tuổi thơ	2	11	320	1	2	1	0	1	0	0	0	0												
	1177	Xã Đồng Kho	MN	Trường Mẫu giáo Sao Mai	2	11	331	1	2	1	0	1	0	0	0	0												
	1178	Xã Đồng Kho	TH	Trường Tiểu học Đức Bình 1	1	11	290	1	1	1	1	0	0	0	0													

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập										
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ									Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	văn thư, thủ quỹ, kế toán sắp xếp sau sáp nhập	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng																		
	1186	Xã Đồng Kho	THCS	Trường THCS Huy Khiêm	1	15	535	1	1	2	1	0	0	0	1	0																	
	1187	Xã Đồng Kho	TH&THCS	Trường TH&THCS La Ngâu	1	17	388	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Trường TH&THCS La Ngâu	TH&THCS	1	17	388	1	2	2	0	0	0						
	1188	Xã Đồng Kho	MN	Trường Mẫu giáo Hoa Mai	2	7	199	1	2	1	0	1	0	0	0	0	0	Trường Mẫu giáo Hoa Mai	MN	2	7	199	1	2	1	0	0	0					
113	1189	Xã Nghi Đức	MN	Trường Mẫu giáo Bình Minh	5	12	342	1	2	1	0	1	0	0	0	0	0	Trường Mầm non Nghi Đức	MN	8	24	717	1	2	2	0	3	0					
	1190	Xã Nghi Đức	MN	Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc	3	12	375	1	2	1	0	1	0	0	0	0	0																
	1191	Xã Nghi Đức	TH	Trường Tiểu học Nghi Đức 1	1	12	402	1	0	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Nghi Đức	TH	4	45	1.359	1	2	2	0	3	2						
	1192	Xã Nghi Đức	TH	Trường Tiểu học Nghi Đức 2	1	12	373	1	1	1	0	1	0	0	0	0																	
	1193	Xã Nghi Đức	TH	Trường Tiểu học Đức Phú 1	1	12	348	1	0	1	0	1	0	0	0	0																	
	1194	Xã Nghi Đức	TH	Trường Tiểu học Đức Phú 2	1	9	236	1	1	1	1	0	0	0	0	0																	
	1195	Xã Nghi Đức	TH&THCS	Trường TH&THCS Tà Púa	1	9	172	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường THCS Nghi Đức	THCS	3	43	1.156	1	2	2	1	2	4						
	1196	Xã Nghi Đức	THCS	Trường Trung học cơ sở Nghi Đức	1	18	641	1	1	2	1	0	0	0	1	0																	
	1197	Xã Nghi Đức	THCS	Trường Trung học cơ sở Đức Phú	1	16	343	1	1	2	0	1	0	0	1	0																	
114	1198	Xã Nam Thành	MN	Trường Mầm non Vành Khuyên	2	12	326	1	2	1		1					Trường Mầm non Vành Khuyên	MN	3	20	592	1	2	2	1	2	0						
	1199	Xã Nam Thành	MN	Trường Mẫu giáo Năng Mai	1	8	266	1	2	1	1																						
	1200	Xã Nam Thành	MN	Trường Mầm non Hoàng Anh	2	8	202	1	2	1	1						Trường Mầm non Sen Hồng	MN	5	26	732	1	2	2	0	6	1						
	1201	Xã Nam Thành	MN	Trường Mẫu giáo Bình Minh	1	7	216	1	2	1		1																					
	1202	Xã Nam Thành	MN	Trường Mầm non Sen Hồng	2	11	314	1	2	1		1																					
	1203	Xã Nam Thành	TH	Trường Tiểu học Lạc Long Quân	1	10	282	1	1	2	1				1	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	TH	3	35	1.004	1	2	2	0	3	4							
	1204	Xã Nam Thành	TH	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt	1	9	237	1	1	2		1			1																		
	1205	Xã Nam Thành	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	1	16	485	1	1	2	1				1																		
	1206	Xã Nam Thành	TH	Trường Tiểu học Ấu Cơ	1	13	407	1	1	2	1				1	Trường Tiểu học Chu Văn An	TH	5	52	1.456	1	2	2		5	4							
	1207	Xã Nam Thành	TH	Trường Tiểu học Chu Văn An	2	20	528	1	2	2	1				1																		
	1208	Xã Nam Thành	TH	Trường Tiểu học Mai Thúc Loan	2	19	521	1	2	2	1				1																		
	1209	Xã Nam Thành	THCS	Trường THCS Lý Tự Trọng	1	14	478	1	1	2		1			1	Trường THCS Lê Thánh Tông	THCS	3	52	1.827	1	2	2		4	4							
	1210	Xã Nam Thành	THCS	Trường THCS Phan Châu Trinh	1	15	507	1	1	2	1				1																		
	1211	Xã Nam Thành	THCS	Trường THCS Lê Thánh Tông	1	23	842	1	2	2	1				1																		
	1212	Xã Đức Linh	THCS	Trường THCS Nguyễn Trãi	1	32	1.307	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Nguyễn Trãi	THCS	1	32	1.307	1	2	2								3	
	1213	Xã Đức Linh	THCS	Trường THCS Lê Hồng Phong	1	17	646	1	1	2	1	0	0	0	1	0																	
	1214	Xã Đức Linh	THCS	Trường THCS Nguyễn Du	1	18	651	1	1	1	0	0	0	0	0	1	Trường THCS Nguyễn Du	THCS	3	46	1.698	1	2	2		2	2						

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập					
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ												Văn thư		
												Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng											
115	1215	Xã Đức Linh	THCS	Trường THCS Nguyễn Khuyến	1	11	401	1	0	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Tôn Đức Thắng	TH		3	44	1.388	1	2	2	1	2	
	1216	Xã Đức Linh	TH	Trường Tiểu học Tôn Đức Thắng	1	20	634	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
	1217	Xã Đức Linh	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	2	24	754	1	1	2	0	1	0	0	1	0												
	1218	Xã Đức Linh	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Bình Khiêm	1	16	500	0	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	TH		2	36	1.131	1	2	2	0	2	
	1219	Xã Đức Linh	TH	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	1	20	631	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
	1220	Xã Đức Linh	TH	Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	1	15	454	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
	1221	Xã Đức Linh	TH	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	1	15	515	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	TH		2	30	969	1	2	2		1	2
	1222	Xã Đức Linh	TH	Trường Tiểu học Trần Phú	1	13	407	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
	1223	Xã Đức Linh	MN	Trường Mẫu giáo Ánh Dương	2	6	189	1	2	1	0	1	0	0	0	0												
	1224	Xã Đức Linh	MN	Trường Mầm non Vàng Anh	2	15	452	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Mầm non Vàng Anh	MN		4	21	641	1	2	2		3	0
	1225	Xã Đức Linh	MN	Trường Mầm non Ánh Hồng	1	12	374	1	2	1	1	0	0	0	0	0												
	1226	Xã Đức Linh	MN	Trường Mẫu giáo Sao Mai	2	17	414	1	2	1	1	0	0	0	0	0												
	1227	Xã Đức Linh	MN	Trường Mầm non Hòa Mi	2	15	499	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường mầm non Hòa Mi	MN		5	44	1.287	1	2	2		6	1
1228	Xã Hoài Đức	TH	Trường Tiểu học Lê Lợi	2	29	956	1	2	2	1	0	0	0	1	0													
1229	Xã Hoài Đức	TH	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	1	16	573	1	1	2	0	1	0	0	1	0													
1230	Xã Hoài Đức	MN	Trường Mầm non Sơn Ca	1	13	418	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Đặt tên sau khi tổ chức họp lấy ý kiến nhân dân, phụ huynh học sinh và giáo viên	TH		3	45	1.529	1	2	2		2	2	
1231	Xã Hoài Đức	MN	Trường Mẫu giáo Hải Âu	1	5	145	1	1	1	1	0	0	0	0	0													
1232	Xã Hoài Đức	MN	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	2	7	220	1	2	2	1	0	0	0	1	0													
1233	Xã Hoài Đức	MN	Trường Mẫu giáo Hoa Lan	1	5	140	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Đặt tên sau khi tổ chức họp lấy ý kiến nhân dân, phụ huynh học sinh và giáo viên	MN		5	30	923	1	2	2		7	4	
1234	Xã Hoài Đức	TH	Trường Tiểu học Phan Đình Phùng	1	10	328	1	1	2	1	0	0	0	0	1													
1235	Xã Hoài Đức	TH	Trường Tiểu học Ngô Quyền	1	15	462	1	1	1	0	1	0	0	0	0													
1236	Xã Hoài Đức	TH	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	2	14	395	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Đặt tên sau khi tổ chức họp lấy ý kiến nhân dân, phụ huynh học sinh và giáo viên	TH		4	42	1.320	1	2	2	0	1	1	
1237			Trường TH&THCS Trần Quốc Tuấn (TH)	1	11	329	0	1	0	0	0	0	0	0	0													
1238	Xã Hoài Đức	TH	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	1	17	596	1	1	2	1	0	0	0	0	1													
1239	Xã Hoài Đức	THCS	Trường THCS Lương Thế Vinh	1	12	485	0	1	1	0	0	0	0	1	0	Đặt tên sau khi tổ chức họp lấy ý kiến nhân dân, phụ huynh học sinh và giáo viên	THCS		3	67	2.715	1	2	2		3	3	
1240	Xã Hoài Đức	THCS	Trường THCS Phan Bội Châu	1	43	1.801	1	2	2	0	1	0	0	1	0													
1241	Xã Hoài Đức	TH&THCS	Trường TH&THCS Trần Quốc Tuấn (THCS)	1	12	429	1	1	2	1	0	0	0	1	0													
1242	Xã Trà Tân	MN	Trường Mẫu Giáo Hoa Sen	2	10	305	1	2	2	0	1	1	0	0	0	Trường Mẫu Giáo Trà Tân	MN		7	28	855	1	2	2		6	4	
1243	Xã Trà Tân	MN	Trường Mẫu Giáo Ban Mai	3	9	280	1	2	2	0	1	0	1	0	0													

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên	Dự kiến phương án bố trí, sáp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập						
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ									Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng														
117	1244	Xã Trà Tân	MN	Trường Mẫu giáo Anh Đào	2	9	270	1	2	2	1	0	0	1	0	0													
	1245	Xã Trà Tân	TH	Trường Tiểu học Ngô Sĩ Liên	1	5	152	1	0	1	1	0	0	0	0	0													
	1246	Xã Trà Tân	TH	Trường Tiểu học Bà Triệu	1	6	150	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường Tiểu học Trà Tân 1	TH	3	31	903	1	2	2		2	2		
	1247	Xã Trà Tân	TH	Trường Tiểu học Hai Bà Trưng	1	20	601	1	1	2	0	1	0	0	1	0													
	1248	Xã Trà Tân	TH	Trường Tiểu học Trần Quý Cáp	1	10	303	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Trà Tân 2	TH	2	20	579	1	2	2		0	1		
	1249	Xã Trà Tân	TH	Trường Tiểu học Huỳnh Thúc Kháng	1	10	276	0	1	1	1	1	0	0	0	0	0												
	1250	Xã Trà Tân	TH	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu	1	19	549	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Tiểu học Trà Tân 3	TH	2	29	785	1	2	2	1	0	0		
	1251			Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (TH)	1	10	236	0	1	0	0	0	0	0	0	0													
	1252	Xã Trà Tân	TH&THCS	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi (THCS)	1	17	636	1	1	2	1	0	0	0	1	0													
	1253	Xã Trà Tân	THCS	Trường THCS Trần Quốc Toàn	1	19	695	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS Trà Tân	THCS	3	48	1.784	1	2	2		3	4		
1254	Xã Trà Tân	THCS	Trường THCS NGuyễn Thượng Hiền	1	12	453	1	1	2	1	0	0	0	1	0														
118	1255	Phường Hàm Thắng	MN	Trường Mầm non Xuân An	1	6	150	1	1	1	0	1	0	0	0	0	Trường Mầm non Hàm Thắng	MN	6	22	511	1	2	2		1	1		
	1256	Phường Hàm Thắng	MN	Trường Mẫu giáo Hàm Thắng	5	16	361	1	1	2	1	0	0	0	0	1													
	1257	Phường Hàm Thắng	MN	Trường Mầm non Hướng Dương	1	14	375	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Trường Mầm non Phú Long	MN	3	24	675	1	2	2		2	2		
	1258	Phường Hàm Thắng	MN	Trường Mẫu giáo Phú Long	2	10	300	1	1	2	0	1	0	0	1	0													
	1259	Phường Hàm Thắng	TH	Trường Tiểu học Hàm Thắng 3	2	10	322	0	2	1	0	1	0	0	0	0													
	1260	Phường Hàm Thắng	TH	Trường Tiểu học Hàm Thắng 1	1	16	505	1	1	2	1					1	Trường Tiểu học Hàm Thắng 3	TH	4	36	1.084	1	2	2		3	3		
	1261	Phường Hàm Thắng	TH	Trường Tiểu học Hàm Thắng 4	1	10	257	1	1	2	1	0	0	1	0	0													
	1262	Phường Hàm Thắng	TH	Trường Tiểu học An Thịnh	1	18	530	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học An Thịnh	TH	2	28	811	1	2	2		1	2		
	1263	Phường Hàm Thắng	TH	Trường Tiểu học Xuân Mỹ (điểm chính)	1	10	281	1	1	2	1					1													
	1264	Phường Hàm Thắng	TH	Trường Tiểu học Hoà Thành	1	15	476	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Hoà Thành	TH	2	20	616	1	1	2		0	0		
	1265			Trường Tiểu học Xuân Mỹ (điểm lẻ)	1	5	140	0	0	0																			
	1266	Phường Hàm Thắng	TH	Trường Tiểu học Xuân An	1	21	760	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Giữ nguyên	TH	1	21	760	1	1	2					
	1267	Phường Hàm Thắng	TH	Trường Tiểu học Hàm Thắng 2	1	15	540	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Giữ nguyên	TH	1	15	540	1	1	2					
	1268	Phường Hàm Thắng	THCS	Trường Trung học cơ sở Hàm Thắng	1	34	1.394	1	1	2	1		0		1	Giữ nguyên	THCS	1	34	1.394	1	1	2			1			
	1269	Phường Hàm Thắng	THCS	Trường Trung học cơ sở Phú Long	1	26	1.030	1	1	0						Giữ nguyên	THCS	1	26	1.030	1	1	0						
1270	Phường Bình Thuận	MN	Mầm non Phong Nấm	2	15	465	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Giữ nguyên	MN	2	15	465	1	2	2						
1271	Phường Bình Thuận	MN	Mẫu giáo Phú Tài	1	6	207	1	1	1	0	1	0	0	0	0														
1272	Phường Bình Thuận	MN	Mẫu giáo Hàm Hiệp	1	10	347	1	2	2	0	1	0	0	0	1	Mầm non Bình Thuận	MN	2	16	554	1	2	2	0	2	1			

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập		Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập		
										Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư													
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ	
119	1273	Phường Bình Thuận	TH	Tiểu học Phong Năm	1	24	829	0	1	1	0	1	0	0	0	Tiểu học Bình Thuận	TH	2	56	1.970	1	2	2	0	1	1	
	1274	Phường Bình Thuận	TH	Tiểu học Phú Tài	1	32	1.141	1	2	2	0	1	0	0	1	0											
	1275	Phường Bình Thuận	TH	Tiểu học Phú Hội	2	22	652	1	1	2	1	0	0	0	1	Tiểu học Hàm Hiệp	TH	4	37	1.043	1	2	2	0	1	1	
	1276	Phường Bình Thuận	TH	Tiểu học Hàm Hiệp 3	2	15	391	1	1	1	0	1	0	0	0	0											
	1277	Phường Bình Thuận	THCS	THCS Nguyễn Du	1	57	2.640	0	2	2	0	1	0	0	1	Giữ nguyên	THCS	1	57	2.640	1	1	2				
	1278	Phường Bình Thuận	THCS	THCS Hàm Hiệp	1	21	825	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Giữ nguyên	THCS	1	21	825	1	1	2			
120	1279	Phường Mũi Né	MN	Trường Mẫu giáo Mũi Né	6	14	547	1	2	1	0	1	0	0	0	Giữ nguyên	MN	6	14	547	1	2	1	0	0	0	
	1280	Phường Mũi Né	MN	Trường MG Hàm Tiến	3	7	236	1	1	1	0	1	0	0	0	0											
	1281	Phường Mũi Né	MN	Trường Mầm non Thiện Nghiệp	3	15	512	1	2	1	0	1	0	0	0	Trường Mầm non Thiện Nghiệp	MN	6	22	748	1	2	2	1	1	0	
	1282	Phường Mũi Né	TH	Trường TH Thiện Nghiệp 2	1	10	271	1	1	1	1	0	0	0	0	0											
	1283	Phường Mũi Né	TH	Trường TH Thiện Nghiệp 1	1	16	558	1	1	2	1	0	0	0	1	Trường Tiểu học Thiện Nghiệp	TH	2	26	829	1	2	2	0	1	1	
	1284	Phường Mũi Né	TH	Trường TH Mũi Né 1	3	25	877	1	1	2	1	0	0	0	1	Giữ nguyên	TH	3	25	877	1	1	2	0	0	0	
	1285	Phường Mũi Né	TH	Trường TH Mũi Né 4	2	10	178	0	1	1	1	0	0	0	0	0											
	1286	Phường Mũi Né	TH	Trường TH Mũi Né 2	1	20	699	1	1	2	0	1	0	0	1	Trường TH Mũi Né 2	TH	3	30	877	1	2	2	0	0	1	
	1287	Phường Mũi Né	TH	Trường TH Mũi Né 3	1	17	587	1	1	2	0	1	0	0	1	Giữ nguyên	TH	1	17	587	1	1	2	0	0	0	
	1288	Phường Mũi Né	TH	Trường TH Hàm Tiến	2	21	732	1	1	2	0	1	0	0	1	Giữ nguyên	TH	2	21	732	1	1	2	0	0	1	
	1289	Phường Mũi Né	THCS	Trường THCS Hồ Quang Cánh	1	13	555	1	1	2	0	1	0	0	1	0											
	1290	Phường Mũi Né	THCS	Trường THCS Thủ Khoa Huân	1	14	589	1	1	2	0	1	0	0	1	Trường THCS Hồ Quang Cánh	THCS	2	27	1.144	1	2	2	0	1	2	
1291	Phường Mũi Né	THCS	Trường THCS Lê Hồng Phong	1	38	1.674	1	1	0						Ghép vào trường THPT Bùi Thị Xuân - Mũi Né												
121	1292	Phường Phan Thiết	MN	Mầm non Phú Trinh	2	14	462	1	1	1	0	1	0	0	0	Giữ nguyên	MN	2	14	462	1	1	1				
	1293	Phường Phan Thiết	MN	Mầm non Lạc Đạo	2	11	315	1	1	1	0	1	0	0	0	0											
	1294	Phường Phan Thiết	MN	Mẫu giáo Đức																							

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp học c quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ													Văn thư	
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyên làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ			
	1302	Phường Phan Thiết	TH	Tiểu học Bình Hưng	1	23	747	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Giữ nguyên	TH	1	23	747	1	1	2				2
	1303	Phường Phan Thiết	TH	Tiểu học Hưng Long 1	1	15	499	0	1	2	0	1	0	0	0	1	Tiểu học Hưng Long	TH	2	30	966	1	2	2		0		1
	1304	Phường Phan Thiết	TH	Tiểu học Hưng Long 2	1	15	467	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Tiểu học Đức Thắng	TH	2	40	1.361	1	2	2	1		2	
	1305	Phường Phan Thiết	TH	Tiểu học Đức Thắng 1	1	23	789	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Giữ nguyên	TH	1	23	805	1	0	1			1	
	1306	Phường Phan Thiết	TH	Tiểu học Đức Thắng 2	1	17	572	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Tiểu học Lạc Đạo	TH	2	28	928	1	1	2		0		1
	1307	Phường Phan Thiết	TH	Tiểu học Tuyền Quang	1	23	805	1	0	1	0	1	0	0	0	0	Giữ nguyên	TH	1	23	805	1	0	1				1
	1308	Phường Phan Thiết	TH	Tiểu học Đức Nghĩa	1	11	390	1	0	2	0	1	0	0	0	1	Tiểu học Lạc Đạo	TH	2	28	928	1	1	2		0		1
	1309	Phường Phan Thiết	TH	Tiểu học Lạc Đạo	1	17	538	1	0	1	0	0	0	0	1	0	Giữ nguyên	THCS	1	38	1.577	1	1	2				1
	1310	Phường Phan Thiết	THCS	THCS Trần Phú	1	38	1.577	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Giữ nguyên	THCS	1	38	1.577	1	1	2				1
	122	1311	Phường Phú Thủy	THCS	Trường THCS Hùng Vương	1	44	2.070	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Giữ nguyên	THCS	1	44	2.070	1	1	2			
1312		Phường Phú Thủy	THCS	Trường THCS Nguyễn Trãi	1	50	2.221	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Giữ nguyên	THCS	1	50	2.221	1	2	2				
1313		Phường Phú Thủy	THCS	Trường THCS Nguyễn Thông	1	19	769	0	1	2	0	1	0	0	1	0	Trường THCS Nguyễn Thông	THCS	2	31	1.263	1	1	2	0	0		3
1314		Phường Phú Thủy	THCS	Trường THCS Lương Thế Vinh	1	12	494	0	1	3	0	1	1	0	1	0	Giữ nguyên	TH	1	26	1.001	1	1	2				
1315		Phường Phú Thủy	TH	Trường Tiểu học Phú Thủy 1	1	26	1.001	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Giữ nguyên	TH	2	29	994	1	1	1				
1316		Phường Phú Thủy	TH	Trường Tiểu học Phú Thủy 2	2	29	994	1	1	1	0	1	0	0	0	0	Giữ nguyên	TH	1	37	1.299	1	1	2				
1317		Phường Phú Thủy	TH	Trường Tiểu học Bắc Phan Thiết	1	37	1.299	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường TH Nguyễn Thông	TH	3	42	1.399	1	2	2	0	2		3
1318		Phường Phú Thủy	TH	Trường TH Phú Hải 1	1	15	486	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Trường MN Phan Thiết	MN	2	10	294	1	2	2	0	0		0
1319		Phường Phú Thủy	TH	Trường TH Phú Hải 2	1	16	546	0	1	2	1	0	0	0	0	1	Giữ nguyên	MN	2	13	357	1	2	1				
1320		Phường Phú Thủy	TH	Trường TH Thanh Hải	1	11	367	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường MN Nguyễn Thông	MN	2	10	294	1	2	2	0	0		0
1321		Phường Phú Thủy	MN	Trường MN Phú Thủy	2	13	357																					

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sắp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập				
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng		Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ		
											Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng													
	1331	Phường Tiến Thành	THCS	Trường THCS Trưng Vương	1	21	939	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Giữ nguyên	THCS	1	21	939	1	1	2					
	1332	Phường Tiến Thành	TH	Trường Tiểu học Tiến Thành 1	1	12	420	1	1	1	0	1	0	0	0	0	TH&THCS Tiến Thành	TH&THCS	5	33	952	1	2	2		2	2		
	1333	Phường Tiến Thành	TH	Trường Tiểu học Tiến Thành 2	3	13	242	1	1	1	0	1	0	0	0	0													
	1334	Phường Tiến Thành	THCS	Trường THCS Tiến Thành	1	8	290	0	1	2	0	1	0	0	0	1													
124	1335	Đặc khu Phú Quý	MN	Trường mầm non Long Hải	4	30	795	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường mầm non Long Hải	MN	4	30	795	1	2	2					
	1336	Đặc khu Phú Quý	MN	Trường mầm non Ngũ Phụng	3	21	551	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường mầm non Ngũ Phụng	MN	3	21	551	1	2	2					
	1337	Đặc khu Phú Quý	MN	Trường mầm non Tam Thanh	3	24	661	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Trường mầm non Tam Thanh	MN	3	24	661	1	2	2					
	1338	Đặc khu Phú Quý	TH	Trường tiểu học Long Hải	3	40	1.047	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Chưa xác định	TH	8	100	2.584	1	2	2		6	3		
	1339	Đặc khu Phú Quý	TH	Trường tiểu học Ngũ Phụng	3	29	734	1	2	2	1	0	0	0	1	0													
	1340	Đặc khu Phú Quý	TH	Trường tiểu học Tam Thanh	2	31	803	1	2	2	1	0	0	0	1	0													
		1341	Đặc khu Phú Quý	THCS	Trường trung học cơ sở Long Hải	1	22	726	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Chưa xác định	THCS	3	55	1.785	1	2	2		5	4	
		1342	Đặc khu Phú Quý	THCS	Trường trung học cơ sở Ngũ Phụng	1	15	491	1	1	2	1	0	0	0	1	0												
		1343	Đặc khu Phú Quý	THCS	Trường trung học cơ sở Tam Thanh	1	18	568	1	2	2	1	0	0	0	1	0												
II		Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở																											
1	1	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung Tâm GDNN-GD TX Bắc Bình	3	58	2.475	1	3	4		2			1	1	Chưa xác định	GDNN-GD TX	4	58	2.475	1	2	2		2	4		
2	2	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung tâm GDNN-GD TX Phú Quý	1	0	0	1	0	2	1	0	1	0	0	0													
3	3	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung tâm GDNN-GD TX Bảo Lộc	2	27	930	1	4	3	1	0	0	0	2	0	Chưa xác định	GDNN-GD TX	3	34	1.150	1	2	2		5	3		
4	4	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung tâm GDNN-GD TX Di Linh	1	7	220	1	2	2	1				1														
5	5	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung tâm GDNN-GD TX Đa Huoai	3	10	211	1	2	6	3				3		Trung tâm GDNN-GD TX Đa Huoai	GDNN-GD TX	3	10	211	1	2	2					
6	6	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung tâm GDNN-GD TX Đắk Mil	3	19	604	1	5	0							Trung tâm GDNN-GD TX Đắk Mil	GDNN-GD TX	3	19	604	1	2	2		3	2		
7	7	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung tâm GDNN-GD TX Đức Linh	2	10	341	1	4	2	1		1				Trung tâm GDNN-GD TX Đức Linh	GDNN-GD TX	2	10	341	1	2	2		2			
8	8	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung Tâm GDNN-GD TX La Gi	3	14	573	1	2	3	2					1	Trung Tâm GDNN-GD TX La Gi	GDNN-GD TX	3	14	573	1	2	2			1		
9	9	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung Tâm GDNN-GD TX Lâm Hà	2	12	379	1	4	2	1	0	0	0	1	0	Trung Tâm GDNN-GD TX Lâm Hà	GDNN-GD TX	2	12	379	1	2	2		2			
10	10	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung tâm GDNN-GD TX Tuy Đức	2	10	311	1	3	3	1	0	0	0	2	0	Trung tâm GDNN-GD TX Tuy Đức	GDNN-GD TX	2	10	311	1	2	2		1	1		
11	11	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung tâm GDTX Đà Lạt	2	12	414	1	3	3	1	0	0	0	2	0	Chưa xác định	GDTX	4	27	959	1	2	2		5	3		
12	12	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung tâm GDNN-GD TX Đức Trọng	2	15	545	1	3	2	1	0	1	0	0	0													
13	13	Thuộc Sở GDĐT	GDNN-GD TX	Trung tâm Giáo dục thường xuyên-Ngoại ngữ, tin học tỉnh Lâm Đồng	3	24	1.029	1	6	0							Trung tâm Giáo dục thường xuyên-Ngoại ngữ, tin học tỉnh Lâm Đồng	GDTX	3	24	1.029	1	2	2		4	2		
14	14	Thuộc Sở GDĐT	Khác	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập - Cam Ly	1	28	228	1	3	3	2	0	0	0	1	0	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập - Cam Ly	Khác	1	28	228	1	2	2		1	1		
15	15	Thuộc Sở GDĐT	Khác	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập - Gia Nghĩa	1	8	58		3	3	1	0	1	0	1	0	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập - Gia Nghĩa	Khác	1	8	58	1	2	2			1		
16	16	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú	1	27	969	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú	THPT	1	27	917	1	2	1					

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sắp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sắp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập			
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ										Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học
							Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng												
17	17	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT T	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Đắk RLấp	1	7	222	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS và THPT Đắk RLấp	THCS&THPT T	1	7	222	1	2	2			
18	18	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT T	Trường Phổ thông DTNT THCS và THPT Đa Teh	1	16	474	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Trường Phổ thông DTNT THCS và THPT Đa Teh	THCS&THPT T	1	16	474	1	2	1			
19	19	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT T	Trường PT Dân tộc nội trú THCS và THPT tỉnh Lâm Đồng	1	23	642	1	4	2	1	0	0	0	0	1	Trường PT Dân tộc nội trú THCS và THPT tỉnh Lâm Đồng	THCS&THPT T	1	23	642	1	4	2			
20	20	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT T	Trường PTDINT THCS & THPT Tuy Đức	1	7	232		2	2	1	0	0	0	1	0	Trường PTDINT THCS & THPT Tuy Đức	THCS&THPT T	1	7	232	1	1	2			
21	21	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT T	Trường PTDINT THCS và THPT Cư Jút	1	7	231	1	2	2	1	0	1	0	0	0	Trường PTDINT THCS và THPT Cư Jút	THCS&THPT T	1	7	231	1	2	2			
22	22	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT T	Trường PTDINT THCS và THPT Đắk Glong	1	7	228	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường PTDINT THCS và THPT Đắk Glong	THCS&THPT T	1	7	228	1	2	2			
23	23	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT T	Trường PTDINT THCS và THPT Đắk Mil	1	7	240	1	2	2	1	0	1	0	0	0	Trường PTDINT THCS và THPT Đắk Mil	THCS&THPT T	1	7	240	1	2	2			
24	24	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT T	Trường PTDINT THCS và THPT Krông Nô	1	7	230	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường PTDINT THCS và THPT Krông Nô	THCS&THPT T	1	7	230	1	2	2			
25	25	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT T	Trường PTDINT THCS&THPT Đắk Song	1	7	233	1	2	2	1	0	1	0	0	0	Trường PTDINT THCS&THPT Đắk Song	THCS&THPT T	1	7	233	1	2	2			
26	26	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT DTNT N'Trang Long	1	15	489	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THPT DTNT N'Trang Long	THPT	1	15	489	1	2	2			
27	27	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Bắc Bình	1	48	1.951		2	2	1	0	0	1	0	0	Trường THPT Bắc Bình	THPT	2	94	3.973	1	2	2	1	2	
28	28	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Hòa Đa	1	46	2.022	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường THPT Hòa Đa										
29	29	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	1	29	1.261	1	1	2		1			1		Trường THCS&THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THCS&THPT T	2	57	2.408	1	3	2	1	2	
29	30			Trường THCS Lương Sơn																							
30	31	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Bùi Thị Xuân - Mũi Né	1	26	1.068	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS&THPT Bùi Thị Xuân - Mũi Né	THCS&THPT T	2	64	2.742	1	3	2	1		
30	32			Trường THCS Lê Hồng Phong																							
31	33	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Phan Bội Châu-Phan Thiết	1	66	2.854	1	2	3	1	0	0	1	0	1	Trường THPT Phan Bội Châu-Phan Thiết	THPT	1	66	2.854	1	2	3			
32	34	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Phan Chu Trinh - Phan Thiết	1	47	2.017	1	2	3	1	0	1	0	1	0	Trường THPT Phan Chu Trinh - Phan Thiết	THPT	2	89	3.806	1	2	2	3	3	
33	35	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Phan Thiết	1	42	1.789	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Trường THPT Phan Thiết										
34	36	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Đức Tân	1	19	792	1	2	2	1	0	0		1	0	Trường THPT Đức Tân	THPT	2	38	1.569	1	2	2	3	1	
35	37	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Hàm Tân	1	19	777	1	2	1	0	1	0	0	0	0	Trường THPT Hàm Tân										
36	38	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Đức Linh	1	33	1.390	1	2	2	1	0	0		1	0	Trường THPT Đức Linh	THPT	2	64	2.644	1	2	2	3	2	
37	39	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Quang Trung- Nam Thành	1	31	1.254	1	2	2		1			1		Trường THPT Quang Trung- Nam Thành										
38	40	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Hàm Thuận Nam	1	35	1.506	1	1	3	1	0	1	0	1	0	Trường THPT Hàm Thuận Nam	THPT	2	58	2.511	1	2	2	1	3	
39	41	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Lương Thế Vinh- Hàm Kiềm	1	23	1.005	1	1	2		1			1		Trường THPT Lương Thế Vinh- Hàm Kiềm										
40	42	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Hàm Thuận Bắc	1	48	2.015	1	2	2		1			1		Trường THPT Hàm Thuận Bắc	THPT	2	77	3.229	1	2	2	3	2	
41	43	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	1	29	1.214	1	2	2	1				1		Trường THPT Nguyễn Văn Linh										
42	44	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng-Son Mỹ	1	14	525	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường THCS&THPT Huỳnh Thúc Kháng-Son Mỹ	THCS&THPT T	2	33	1.216	1	2	2	1	2	
42	45			Trường THCS Tân Thắng, Sơn Mỹ																							

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập			
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ												Văn thư
													Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng									
43	46	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Lý Thường Kiệt	1	40	1.675	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THPT Lý Thường Kiệt	THPT	2	77	3.220	1	2	2		3	2
44	47	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Nguyễn Huệ - La Gi	1	37	1.545	1	2	2	0	1	0	0	1	0	Trường THPT Nguyễn Huệ - La Gi										
45	48	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Tuy Phong	1	47	2.014	1	1	2	0	1	0	0	0	1	Trường THPT Tuy Phong	THPT	1	47	2.014	1	1	2			
46	49	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	1	23	953	1	1	2	0	1	1	0	0	0	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	THCS&THPT	2	46	2.006	1	3	2			2
46	50			Trường THCS Tân Hải, xã Tân Hải																							
47	51	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	1	27	1.081	1	1	1	1	0	0	0	0	0	Chưa xác định	THPT	2	63	2.571	1	2	2		1	1
48	52	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Tấn Linh	1	36	1.490	1	1	2	0	1	0	0	0	1											
49	53	Thuộc Sớ GDDT	THCS&THPT	Trường THCS&THPT Đa Nhim	1	17	651		2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THCS&THPT	2	39	1.548	1	2	2		2	2
50	54	Thuộc Sớ GDDT	THCS&THPT	Trường THCS&THPT Đa Sar	1	22	897	1	2	2	1				1												
51	55	Thuộc Sớ GDDT	THCS&THPT	Trường THCS và THPT Đồng Đa	1	39	1.845	1	2	2	1	0	1	0	0	0	Chưa xác định	THCS&THPT	2	53	2.460	1	3	2		1	2
52	56	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Lang Biang	1	14	615	1	1	2	0	1	0	0	1	0											
53	57	Thuộc Sớ GDDT	THCS&THPT	Trường THCS và THPT Tà Nung	1	18	742	1	2	2	1				1		Chưa xác định	THCS&THPT	2	45	1.932	1	3	2		1	2
54	58	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Thăng Long	1	27	1.190	1	1	2	0	1	0	0	1	0											
55	59	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Lâm Hà	1	30	1.263	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT	2	50	2.098	1	2	2		1	2
56	60	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Lê Quý Đôn - Lâm Hà	1	20	835	1	1	2	1	0	0	0	1	0											
57	61	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng - Lâm Hà	1	24	1.079	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT	2	48	2.166	1	2	2		3	2
58	62	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Tân Hà	1	24	1.087	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
59	63	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	1	22	940	1	2	2	1				1		Chưa xác định	THPT	2	51	2.086	1	2	2		3	1
60	64	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Lương Thế Vinh - Đức Trọng	1	29	1.146	1	2	1	1	0	0	0	0	0											
61	65	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Chu Văn An - Hiệp Thạnh	1	23	1.015	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT	2	62	2.554	1	2	2		4	2
62	66	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Đức Trọng	1	39	1.539	1	3	2	1	0	0	0	1	0											
63	67	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Đơn Dương	1	39	1.589	1	2	0							Chưa xác định	THPT	2	63	2.428	1	2	2		3	0
64	68	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Pró	1	24	839	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
65	69	Thuộc Sớ GDDT	THCS&THPT	Trường THCS&THPT Quảng Hòa	1	19	755	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Chưa xác định	THCS&THPT	2	32	1.280	1	2	2		3	1
66	70	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Phan Đình Phùng - Đam Rông	1	13	525	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
67	71	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Di Linh	1	33	1.406	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT	2	66	2.789	1	2	2		3	2
68	72	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Phan Bội Châu- Di Linh	1	33	1.383	1	2	2	1	0	0	0	1	0											
69	73	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Lê Hồng Phong	1	31	1.205	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT	2	49	1.989	1	2	2		3	2
70	74	Thuộc Sớ GDDT	THPT	Trường THPT Trường Chinh-Hòa Ninh	1	18	784	1	2	2	1	0	0	0	1	0											

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Tổng cộng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức												Hợp đồng	
							Kế toán	Thủ quỹ							Văn thư												
71	75	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Lộc An	1	21	783	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Chưa xác định	THPT	2	49	1.876	1	2	2		4	0
72	76	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Lộc Thành	1	28	1.093	1	3	1	1	0	0	0	0	0	Chưa xác định	THPT									
73	77	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Bảo Lộc	1	33	1.352	0	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT	2	66	2.709	1	2	2		2	2
74	78	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Nguyễn Du - Bảo Lộc	1	33	1.357	1	2	2	1		0	0	1		Chưa xác định	THPT									
75	79	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Lê Thị Pha	1	16	652	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT	2	37	1.541	1	2	2		3	2
76	80	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Nguyễn Tri Phương	1	21	889	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT	2	53	2.109	1	2	2		3	2
77	81	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Lộc Phát	1	24	989	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Chưa xác định	THPT	2	53	2.109	1	2	2		3	2
78	82	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Lộc Thanh	1	29	1.120	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THCS&THPT T	3	53	2.041	1	3	2		1	2
79	83	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Đa Tềh	1	26	1.039	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT									
80	84	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT T	Trường THPT Lê Quý Đôn - Đa Tềh	2	27	1.002	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THCS&THPT T	2	45	1.885	1	3	2		2	3
81	85	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Cát Tiên	1	15	634	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT	3	35	1.361	1	2	2		5	4
82	86	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Gia Viễn	1	11	377	1	2	2	1	0	0	0	0	1	Chưa xác định	THPT	2	50	2.189	1	2	2		3	2
83	87	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Quang Trung - Cát Tiên	1	9	350	1	1	2	0	1	0	0	1	0	Chưa xác định	THPT									
84	88	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Chu Văn An - Gia Nghĩa	1	26	1.145	1	2	3	1	0	1	0	1	0	Chưa xác định	THPT	2	45	1.885	1	3	2		2	3
85	89	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Gia Nghĩa	1	24	1.044	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Chưa xác định	THPT	2	49	2.147	1	3	2		2	3
86	90	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Đắk Glong	1	22	909	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THCS&THPT T	2	34	1.459	1	2	2		3	3
86	91			THCS Nguyễn Du, xã Quảng Khê												Chưa xác định	THCS&THPT T	2	38	1.678	1	2	2		3	2	
87	92	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Đắk Song	1	27	1.193	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Chưa xác định	THCS&THPT T	2	37	1.609	1	2	2		2	1
87	93			Trường THCS Nguyễn Tất Thành												Chưa xác định	THCS&THPT T	3	55	2.112	1	3	2		1		
88	94	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Lương Thế Vinh- Thuận Hạnh	1	13	523	1	2	1	1	0	0	0	0	0	Chưa xác định	THCS&THPT T	2	34	1.459						

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sáp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập		
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ		Văn thư		Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng		Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ
										Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng											
93	104	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Phạm Văn Đồng	1	30	1.236	1	2	2	1	0	1	0	0	Trường THCS&THPT Phạm Văn Đồng	THCS&THPT	2	61	2.554	1	3	2		2	4
93	105			THCS Nguyễn Du, Kiến Đức																						
94	106	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Trường Chinh-Nhân Cơ	1	25	1.082	1	2	2	1	0	0	0	1	Trường THCS&THPT Trường Chinh-Nhân Cơ	THCS&THPT	2	40	1.677	1	3	2		1	3
94	107			Trường THCS Nguyễn Văn Linh																						
95	108	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Phan Chu Trinh - Cư Jút	1	35	1.391	1	2	2	1				1	Chưa xác định	THCS&THPT	2	66	2.736	1	3	2		2	2
95	109			Trường THCS Phạm Văn Đồng																						
96	110	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Quang Trung - Đắk Mil	1	19	796	1	2	2	1		1		0	Trường THCS&THPT Quang Trung - Đắk Mil	THCS&THPT	2	38	1.566	1	2	2		1	2
96	111			Trường THCS Hoàng Diệu																						
97	112	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong	1	19	679	1	2	2	1	0	0	0	1	Trường THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm - Nam Dong	THPT	2	50	1.859	1	2	2		3	3
98	113	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Phan Bội Châu - Nam Dong	1	31	1.180	1	2	3	1	0	1	0	1											
99	114	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Krông Nô	1	36	1.585	1	2	2	1				1	TrườngTHCS&THPT Krông Nô	THCS&THPT	2	56	2.367	1	3	2		2	2
99	115			THCS Đắk Mâm, Krông Nô																						
100	116	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Trần Phú- Nam Đà	1	15	650	1	2	2	1	0	0	0	1	Trường THCS&THPT Trần Phú	THCS&THPT	2	23	895	1	2	2		2	2
100	117			THCS Đắk Sôr, Nam Đà																						
101	118	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Đắk Mil	1	28	1.165	1	2	2	1				1	Trường THPT Trần Hưng Đạo	THPT	2	58	2.444	1	2	2		3	3
102	119	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1	30	1.279	1	2	3	1	0	1	0	1											
103	120	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Hùng Vương-Quảng Phú	1	14	575	1	2	1	1	0	0	0	0	TrườngTHCS&THPT Hùng Vương-Quảng Phú	THCS&THPT	2	30	1.259	1	2	2		2	1
103	121			THCS Quảng Phú																						
104	122	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Lê Duẩn	1	25	998	0	2	1	1	0	0	0	0	Trường THCS&THPT Lê Duẩn	THCS&THPT	2	69	2.978	1	3	2		1	
104	123			Trường THCS Hoàng Văn Thụ																						
105	124	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT	Trường THCS và THPT Tây Sơn	1	55	2.467	1	3	2	1	0	0	0	0	Trường THCS và THPT Tây Sơn	THCS&THPT	1	55	2.467	1	3	2			
106	125	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT	Trường THCS và THPT Võ Nguyên Giáp	1	23	850	1	2	2	1		0		1		Trường THCS và THPT Võ Nguyên Giáp	THCS&THPT	4	35	1.249	1	1	2		2
106	126			Trường THCS Rô Men, Đam Rông 2																						
107	127	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT	Trường THCS và THPT Xuân Trường	1	31	1.360	1	2	2	1	0	0	0	1	Trường THCS và THPT Xuân Trường	THCS&THPT	1	31	1.360	1	2	2			
108	128	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT	Trường THCS& THPT Chi Lăng	1	50	2.248	1	3	2	1	0	0	0	1		Trường THCS& THPT Chi Lăng	THCS&THPT	1	50	2.248	1	3	2		
109	129	Thuộc Sở GDĐT	THCS&THPT	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	1	25	984	1	2	2	1	0	0	0	1	Trường THCS&THPT Lộc Bắc		THCS&THPT	1	25	984	1	2	2		
110	130	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Bảo Lâm	1	40	1.836	1	2	2	1	0	0	0	1		Trường THCS&THPT Bảo Lâm	THCS&THPT	2	68	3.042	1	3	2		2
110	131			Trường THCS Trần Phú, Bảo Lâm 1																						
111	132	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Bùi Thị Xuân-Đà Lạt	1	45	1.879	1	2	3	1	0	1	0	1	Trường THPT Bùi Thị Xuân-Đà Lạt	THPT	1	45	1.879	1	2	3			

TT		Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập						Số viên chức quản lý sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ dôi dư sau sáp nhập				
				Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh			Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán		Thủ quỹ													Văn thư	
								Viên chức	Hợp đồng				Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyên làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển n lâm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ			
112	133	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Chuyên Bảo Lộc	1	21	710	1	3	2	1	0	0	0	1	0	Trường THPT Chuyên Bảo Lộc	THPT	1	21	710	1	3	2					
113	134	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	1	30	1.016	1	2	3	1	0	1	0	1	0	Trường THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	THPT	1	30	1.016	1	2	3					
114	135	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Chuyên Thăng Long	1	27	914	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THPT Chuyên Thăng Long	THPT	1	27	914	1	2	2					
115	136	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Chuyên Trần Hưng Đạo	1	35	1.143	1	1	3	1	0	0	1	1	0	Trường THPT Chuyên Trần Hưng Đạo	THPT	1	35	1.143	1	1	3					
116	137	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Đa Huoai	1	16	630	1	1	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS&THPT Đa Huoai	THCS&THPT T	2	35	1.374	1	2	2			1		2
116	138			Trường THCS Trần Phú, Đa Huoai													Trường THCS&THPT Đa Huoai	THCS&THPT T	2	33	1.247	1	2	2			1		2
117	139	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Đa Tổng	1	16	599	1	1	0							Trường THCS&THPT Đa Tổng	THCS&THPT T	2	33	1.247	1	2	2			1		2
117	140			Trường THCS Liêng Trang, Đam Rông 4													Trường THCS&THPT Đa Tổng	THCS&THPT T	2	33	1.247	1	2	2			1		2
118	141	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Đạm Ri	1	15	628	1	2	2	1				1		Trường THCS&THPT Đạm Ri	THCS&THPT T	2	27	1.103	1	2	2			2		2
118	142			Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi, Đa Huoai 2													Trường THCS&THPT Đạm Ri	THCS&THPT T	2	27	1.103	1	2	2			2		2
119	143	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Hùng Vương - D'Ran	1	24	891	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THPT Hùng Vương - D'Ran	THPT	1	24	891	1	2	2					
120	144	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Hùng Vương - Hoài Đức	1	52	2.125	1	1	2		1			1		Trường THPT Hùng Vương - Hoài Đức	THPT	1	52	2.125	1	1	2					
121	145	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Lê Quý Đôn - Tuy Đức	1	24	1.007	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS&THPT Lê Quý Đôn - Tuy Đức	THCS&THPT T	2	47	2.091	1	3	2			2		2
121	146			Trường THCS Đắk Buk So, Tuy Đức													Trường THCS&THPT Lê Quý Đôn - Tuy Đức	THCS&THPT T	2	47	2.091	1	3	2			2		2
122	147	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Ngô Quyền	1	26	892	1	1	2	1	0	0	0	0	1	Trường THPT Ngô Quyền	THPT	1	26	892	1	1	2					
123	148	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm- Tà Hine	1	27	1.143	1	1	2	1				1		Trường THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm- Tà Hine	THCS&THPT T	2	46	1.998	1	3	2			1		2
123	149			Trường THCS Đà Loan, Tà Hine													Trường THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm- Tà Hine	THCS&THPT T	2	46	1.998	1	3	2			1		2
124	150	Thuộc Sở GDĐT	THPT	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	1	15	561	1	2	2	1	0	0	0	1	0	Trường THCS&THPT Nguyễn Chí Thanh	THCS&THPT T	2	34	1.282	1	2	2			3		1
124	151																												

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Cấp học	Trường trước sáp nhập				Số viên chức quản lý hiện có		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán hiện có						Trường sau sáp nhập					Số viên chức quản lý sáp xếp sau sáp nhập		Số nhân viên văn thư, thủ quỹ, kế toán sáp xếp sau sáp nhập	Dự kiến phương án bố trí, sắp xếp hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ đối dư sau sáp nhập		
			Tên trường	Số điểm trường (bao gồm điểm chính và điểm lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Tổng cộng	Kế toán viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Viên chức	Hợp đồng	Dự kiến tên trường sau sáp nhập	Cấp học	Số điểm trường (bao gồm điểm trường chính và điểm trường lẻ)	Số nhóm, lớp	Số trẻ em, học sinh	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Chuyển làm cán bộ phụ trách giáo dục cấp xã	Chuyển làm giáo viên	Giải quyết nghỉ theo chế độ

Stt	Thống kê:		Trước sáp nhập	Sau sáp nhập	Tăng (+); giảm (-)	Tỷ lệ giảm (-)
1.	Tổng số CSGD:		1453	855	-598	-41,16%
	Trong đó:	MN	400	240	-160	-40,0%
		TH	557	253	-304	-54,6%
		TH&THCS	62	119	57	91,9%
		THCS	304	145	-159	-52,3%
		THCS&THPT	21	48	27	128,6%
		THPT	93	36	-57	-61,3%
		TH,THCS&THPT	0	1	1	100,0%
		GDNN-GDTX	13	10	-3	-23,1%
		Khác	3	2	-1	-33,3%
2.	Hiệu trưởng		1.386	855	-531	-38,3%
3.	Phó Hiệu trưởng		2.143	1.614	-529	-24,7%
4.	Kế toán, văn thư & thủ quỹ		2.325	1.597	-728	-31,3%
5.	Chuyển làm CB phụ trách GD			31	31	
6.	Chuyển làm giáo viên			1040	1.040	
7.	Giải quyết nghỉ theo chế độ			809	809	

-1.788